

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**



**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**



Vĩnh Long, ngày 25 tháng 04 năm 2019

Số: 33 /TB-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 12 tháng 04 năm 2019

THÔNG BÁO

(Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

Kính gửi: Cổ đông Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- 1. Thời gian:** lúc 7 giờ 30 phút, Thứ năm, ngày 25/04/2019.
- 2. Địa điểm:** Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1 – TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.
- 3. Nội dung chính của Đại hội:** (Xem chi tiết nội dung chương trình kèm theo)
- 4. Tài liệu Đại hội:** được đăng tải trên website của Công ty: <http://www.capnuocvl.com.vn>
- 5. Xác nhận tham dự Đại hội:** để công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi và chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông vui lòng đăng ký xác nhận việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền (theo mẫu gửi kèm), gửi về văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long trước 16 giờ ngày 24/04/2019 theo địa chỉ sau :

Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long

Địa chỉ: 02 Hưng Đạo Vương - Phường 1 - Thành phố Vĩnh Long – Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: 0270.3822583 – 0270.3827777, 0913 672717 gặp Anh Thắng

Fax : 0270.3829432

Email: capnuocvl@gmail.com

Cổ đông tham dự Đại hội có mặt tại địa điểm tổ chức Đại hội vào lúc 7 giờ 30 phút và xin vui lòng mang theo Giấy mời họp; CMND/hộ chiếu (bản gốc). Đối với trường hợp người được ủy quyền, đề nghị mang theo Giấy ủy quyền (bản gốc) và CMND/hộ chiếu (bản gốc) của người ủy quyền .

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Website của Công ty
- Lưu.VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐẶNG TẤN CHIẾN

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC VĨNH LONG
Ngày 25 tháng 04 năm 2019

Thời gian: Bắt đầu vào lúc 7 giờ 30 phút, Thứ năm, ngày 25/04/2019.

Địa điểm: Số 02 Đường Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP Vĩnh Long.

THỜI GIAN	NỘI DUNG
7h - 7h30'	Đón tiếp và kiểm tra tư cách cổ đông - Đón tiếp các cổ đông và đại biểu. - Cổ đông đăng ký và nhận tài liệu.
7h30 - 8h30'	Khai mạc đại hội - Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu. - Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông. - Chủ tọa chỉ định nhân sự tham gia điều hành Đại hội và 02 người làm Thư ký Đại hội. - Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu. - Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội. - Thông qua chương trình Đại hội.
8h30'- 9h30'	Nội dung đại hội - Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2018. - Báo cáo của BKS về hoạt động kiểm soát Công ty năm 2018. - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018. - Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2018. - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. - Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019. - Thông qua thù lao thành viên HĐQT, BKS, Thư ký năm 2019.
9h30 -9h45'	Nghỉ giải lao
9h45'-11h	Nội dung đại hội (tiếp theo) - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty - Thông qua việc sửa đổi Quy chế quản trị Công ty - Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020; bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2020. - Đại hội thảo luận về nội dung các tờ trình. - Chủ tọa đoàn trả lời các câu hỏi mà cổ đông quan tâm. - Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình. - Thông qua quy chế đề cử/ứng cử thành viên HĐQT

	- Đại hội tiến hành bầu cử bổ sung thành viên HĐQT - Công bố kết quả biểu quyết các tờ trình, kết quả bầu cử thành viên HĐQT.
11h - 11h30'	Tổng kết Đại hội - Thông qua Biên bản Đại hội. - Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. - Bế mạc đại hội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ / ỦY QUYỀN
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long

Cổ đông:
Địa chỉ:
Số CMND/DKKD: Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Số cổ phần sở hữu: CP

Căn cứ Giấy mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 25/04/2019; xin trả lời về việc tham dự Đại hội như sau: (đánh dấu X vào ô vuông).

☐ **Trực tiếp tham dự**

☐ **Ủy quyền cho lãnh đạo Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long :**

☐ Ông Đặng Tấn Chiến

Chủ tịch HĐQT

☐ Ông Nguyễn Tấn Phát

Tổng giám đốc

☐ **Ủy quyền cho người khác tham dự:**

Tên người được ủy quyền:.....Mã số cổ đông (nếu có):.....

Số CMND: Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Người được ủy quyền được tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức ngày 25/04/2019 và biểu quyết đối với các vấn đề thuộc nội dung chương trình Đại hội.

Lưu ý: Khi tham dự Đại hội, Quý cổ đông (hoặc người được ủy quyền) cần mang theo giấy này và CMND (hoặc hộ chiếu) để Ban tổ chức làm thủ tục đăng ký cổ đông.

....., ngày ... tháng 04 năm 2019

Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

TP. Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2019

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản trị của Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long.

Để Đại hội đồng thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội với các nội dung chính như sau:

I. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI:

Các Cổ đông/Người nhận ủy quyền của Cổ đông khi đến tham dự Đại hội có quyền và nghĩa vụ tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp. Các nội dung chính cần Đại hội thảo luận và biểu quyết bao gồm:

- Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế ứng cử/bầu cử; Chương trình Đại hội; Ban Kiểm phiếu biểu quyết của đại hội.
- Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung chính của Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm:
 - + Thông qua Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2018;
 - + Thông qua Báo cáo của BKS về hoạt động kiểm soát Công ty năm 2018;
 - + Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018;
 - + Thông qua Phương án thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, trả cổ tức năm 2018;
 - + Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;
 - + Thông qua Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2019;

- + Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty;
- + Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ;
- + Thông qua mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách, người quản trị công ty, thư ký năm 2019;
- + Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020 và bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT
- + Thông qua các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
- Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Trong thời gian tổ chức Đại hội, các cổ đông phải ăn mặc chỉnh tề, tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

II. CÁC QUY ĐỊNH TẠI ĐẠI HỘI:

1. Đăng ký tham dự Đại hội và điều kiện để tổ chức Đại hội:

1.1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long theo danh sách chốt đến ngày 05/04/2019 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Cổ đông có tên trong danh sách trên được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

1.2. Thủ tục đăng ký tham dự Đại hội

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;
- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và xuất trình các giấy tờ trên để nhận Tài liệu Đại hội.

- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, trong đó:
- Thẻ biểu quyết (*Có thông tin về Mã số biểu quyết; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền)*)
- Phiếu biểu quyết (*Có thông tin về nội dung các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (Đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến)*)

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự

họp sẽ được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

1.3. Điều kiện để tổ chức Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo Danh sách cổ đông chốt ngày 05/04/2019.

2. Ban tổ chức Đại hội

2.1. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, nên Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông:

 Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

 Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

 Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

 Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

2.2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập. Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm:

- Kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt ngày 05/04/2019;

- Phát tài liệu Đại hội và các Thẻ biểu quyết;

- Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

2.3. Ban Thư ký Đại hội

- Ban Thư ký Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa Đại hội cử ra theo Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

- Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

 Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung tại Đại hội.

 Hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội.

 Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông.

2.4. Ban Kiểm phiếu biểu quyết

- Ban Kiểm phiếu biểu quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

- Ban Kiểm phiếu biểu quyết có nhiệm vụ:

 Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

 Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa, Ban thư ký kết quả biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội.

3. Thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại hội.

Tại Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền thảo luận và phát biểu ý kiến nhưng phải tuân thủ các quy định sau:

- Được sự chấp thuận của chủ tọa;
- Phải nêu tên, mã số cổ đông trước khi phát biểu;
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn, phù hợp với chương trình Đại hội và tránh trùng lặp với các nội dung đã được phát biểu trước;
- Thời gian phát biểu không quá 03 phút cho 01 lần phát biểu;
- Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Ban thư ký tập hợp.

4. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

4.1. Thẻ lệ biểu quyết

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: Lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện cho cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.

❖ Hình thức biểu quyết: Có 2 hình thức là giơ thẻ và bỏ phiếu

- Giơ thẻ: Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội, Quy chế ứng cử/bầu cử, thành phần Ban kiểm phiếu, Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS, Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

- Bỏ phiếu: Biểu quyết nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

❖ Cách thức biểu quyết:

- Giơ thẻ: theo hướng dẫn của Chủ tọa đại hội, cổ đông lần lượt biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa. Những cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

- Bỏ phiếu: cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn đánh dấu “X” vào ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến). Những cổ

đồng không chọn phương án biểu quyết nào đối với 01 vấn đề được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết. Cổ đông bỏ Phiếu biểu quyết đã được đánh dấu chọn vào thùng phiếu theo hướng dẫn.

5.2 Nguyên tắc thông qua các nội dung xin ý kiến Đại hội

Cổ đông, đại diện cho cổ đông có quyền tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

Các nội dung trình Đại hội sẽ được lấy ý kiến biểu quyết và chỉ được thông qua khi có ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cho cổ đông dự Đại hội chấp thuận.

6. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

- Biên bản và Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông thường niên được lưu giữ tại Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long và sẽ được đăng tải lên Website của Công ty.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Cấp nước Vĩnh Long sau khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)**

ĐẶNG TẤN CHIẾN

TP. Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2019

**QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG CHO THỜI GIAN CÒN
LẠI NHIỆM KỲ 2016 – 2020**

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo tuân thủ luật pháp, các thông lệ tại Việt Nam và phù hợp với các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định của Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2016 - 2020 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (Đại hội đồng cổ đông) được thực hiện theo quy định tại Quy chế này;
2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 3. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung thêm 02 (hai) thành viên;
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020;
3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung: Thành viên được đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;

c. Có thể đồng thời là thành viên HĐQT của không quá (05) năm công ty đại chúng khác;

d. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

e. Các điều kiện khác theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long và Quy chế Quản trị hiện hành.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm:

a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu đủ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty được ứng cử hoặc đề cử 01 (một) ứng cử viên;

b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ trên 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

e. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rộng rãi và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên

Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty đại chúng phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị.

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị (01 bản gốc) theo mẫu đăng tải trên website: capnuocvl.com.vn;

b. Lý lịch cá nhân (hoặc văn bản tương đương) của ứng viên (01 bản gốc) theo mẫu đăng tải trên website: capnuocvl.com.vn

c. Bản sao chứng thực hộ khẩu thường trú (hoặc đăng ký tạm trú); CMND hoặc hộ chiếu (nếu là người nước ngoài); các văn bằng chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (01 bản gốc hoặc bản sao có công chứng);

d. Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).

e. Giấy xác nhận sở hữu cổ phần nắm giữ liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng

- Trường hợp cổ phần đã lưu ký cổ đông cung cấp giấy xác nhận sở hữu cổ phần theo mẫu đăng tải trên website: capnuocvl.com.vn;

- Trường hợp cổ phần chưa lưu ký cổ đông cung cấp bản photo công chứng sổ cổ phần.

2. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long chậm nhất trước **ngày 22 tháng 04 năm 2019** theo địa chỉ sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

- Địa chỉ: Số 02 Đường Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP. Vĩnh long

- Điện thoại: 0270.3822583

- Liên hệ: **Lê Văn Thắng**; Điện thoại: 0913.672.717; Email: thangcapnuocvl@gmail.com.

Điều 6. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên Đơn xin ứng cử, đề cử của các cổ đông hoặc cá nhân đại diện cổ đông, nhóm cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng viên vào Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định để đưa vào danh sách ứng viên tham gia bầu bổ sung vào thành viên Hội đồng quản trị và thông qua danh sách tại Đại hội.

Điều 7. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu;

2. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu bổ sung của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 1.000 cổ phần, tổng số thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung cho nhiệm kỳ 2016 - 2020 là 02 thành viên. Cổ đông A sẽ có tổng số phiếu bầu cử tương ứng với 2.000 phiếu cho 02 ứng cử viên Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên;

4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (Bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

5. Nguyên tắc và phương thức bầu cử được quy định cụ thể tại Phụ lục hướng dẫn ghi Phiếu bầu HĐQT ban hành kèm theo Quy chế này.

(Xem chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 8. Tổ chức và giám sát bầu cử

1. Ban Kiểm phiếu:

a. Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;

b. Ban Kiểm phiếu có 05 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 04 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ban Kiểm phiếu phải bảo đảm tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử;

3. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên Hội đồng quản trị;

b. Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông;

- c. Phân phát và thu phiếu bầu cử;
- d. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
- e. Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;
- f. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký Đại hội;
- g. Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- h. Và các nhiệm vụ liên quan khác;
- i. Ban Kiểm phiếu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

1. Phiếu bầu:

- a. Phiếu bầu do Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long phát hành, được in thống nhất, có dấu treo của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long, có mã số cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu/đại diện, tổng số quyền biểu quyết;
- b. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời 01 phiếu bầu Hội đồng quản trị theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);
- c. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

2. Cách ghi phiếu bầu:

- a. Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- b. Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông điền số “0” hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu”.
- c. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên, bầu cho tất cả số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào.
- d. Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đó ($= \text{số cổ phần} \times \text{số thành viên được bầu}$).

3. Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a. Phiếu bầu cho ứng cử viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- b. Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);
- c. Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.
- 4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Phiếu không do Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long phát hành và /hoặc không có dấu của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long; hoặc
 - b. Phiếu gạch xoá, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới); hoặc
 - c. Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; hoặc
 - d. Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền); hoặc
 - e. Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông; hoặc
 - f. Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Điều 10. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

- 1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- 2. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- 3. Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

Điều 11. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

- 1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên mà Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết;
- 2. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn;
- 3. Nếu bầu cử không đủ số thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những ứng cử viên còn lại;
- 4. Nếu sau khi bầu lần 2 vẫn chưa đủ thì Đại hội sẽ biểu quyết bầu lại lần 3 hoặc đề khuyết thành viên Hội đồng Quản trị và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội tiếp theo theo quyết định của Chủ tọa Đại hội.

Điều 12. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu;
2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu; Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - b. Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền bầu cử tại Đại hội; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp; số phiếu và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số cổ phần biểu quyết và tỉ lệ cổ phần có quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT; danh sách thành viên HĐQT trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp.

3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 13. Giải quyết khiếu nại

1. Các thắc mắc, khiếu nại về công tác bầu cử (nếu có) sẽ do Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông giải quyết.
2. Mỗi cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan về công tác bầu cử, nếu xét thấy có dấu hiệu vi phạm quy định của Luật và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này gồm 14 Điều do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long ban hành, tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Quy chế quản trị của công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

ĐẶNG TẤN CHIẾN

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN BẦU BỔ SUNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2016-2020 THEO PHƯƠNG THỨC BẦU DÒN PHIẾU (Ban hành kèm theo Quy chế Bầu cử bổ sung Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2016 - 2020)

1. Loại phiếu bầu:

Phiếu màu hồng: bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

2. Bỏ phiếu: Bỏ phiếu bầu Hội đồng quản trị vào thùng phiếu.

3. Ghi phiếu bầu:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.
- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông đã được ghi trên phiếu bầu cử.
- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông được ghi trên Phiếu bầu cử.

Ví dụ:

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 2 thành viên Hội đồng quản trị trong tổng số 2 ứng viên. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là: $(1.000 \times 2) = 2.000$ phiếu bầu.

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều phiếu bầu của mình cho 2 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 1.000 phiếu bầu)

STT	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1	Ứng viên 1	1.000
2	Ứng viên 2	1.000
	Tổng số phiếu bầu	2.000

Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết phiếu bầu của mình cho 1 ứng viên (Trường hợp bên dưới là dồn hết cho Ứng viên 2)

STT	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1	Ứng viên 1	0
2	Ứng viên 2	2.000
	Tổng số phiếu bầu	2.000

Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 2 ứng viên nhưng không đều nhau

STT	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1	Ứng viên 1	500
2	Ứng viên 2	1.500
	Tổng số phiếu bầu	2.000

Trường hợp 4: Cổ đông Nguyễn Văn A không dồn hết phiếu bầu của mình cho các ứng viên (Trường hợp bên dưới là dồn cho các ứng viên nhưng chỉ sử dụng 1.500 phiếu bầu)

STT	Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1	Ứng viên 1	500
2	Ứng viên 2	1.000
	Tổng số phiếu bầu	1.500

4. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không do Ban Tổ chức Đại hội phát hành, không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa hoặc ghi thêm ứng viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) được ghi trên phiếu.
- Các trường hợp khác quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử.

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ VIỆC QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 25/05/2016;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Vĩnh Long xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc quản trị điều hành công ty năm 2018, như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG
- Tên viết tắt: VWACO
- Mã cổ phiếu: VLW
- Địa chỉ: Số 02 Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại: (0270) 382 2583
- Số fax: (0270) 382 9432
- Website: www.capnuocvl.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1500174831
- Vốn điều lệ: 289.000.000.000 đồng; số lượng cổ phần 28.900.000 cổ phần; mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trong đó cơ cấu vốn tại ngày 31/12/2018:

- + Vốn nhà nước: 213.995.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 74,05 %
- + Vốn cổ đông tham gia Công ty cổ phần là 75.005.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 25,95 %
- Mã cổ phiếu: VLW
- Sàn giao dịch: Upcom
- Ngày 14/03/2019 UBND tỉnh Vĩnh Long đã thoái vốn thành công 6.660.500 cổ phần tương ứng 23,05% vốn điều lệ, đến thời điểm lập báo cáo này vốn nhà nước còn nắm giữ 14.739.000 cổ phần tương ứng 51% vốn điều lệ.

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Sản xuất nước uống đóng chai; kinh doanh nước uống đóng chai; thi công xây lắp các công trình hạ tầng kỹ thuật; đầu tư xây dựng các dự án cấp nước; kinh doanh các dự án cấp nước; dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng; kinh doanh thiết bị, vật tư chuyên ngành nước.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý :

Căn cứ Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long thông qua ngày 25/05/2016. Công ty cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

1. Thành viên cơ cấu Hội đồng quản trị:

STT	Họ Tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % cổ phần có quyền biểu quyết
1	Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch HĐQT	Cổ phần cá nhân sở hữu Cổ phần đại diện UBND tỉnh Vĩnh long	185.200 17.119.600	0,64% 59,24%
2	Nguyễn Tấn Phát	TV HĐQT, Tổng giám đốc	Cổ phần cá nhân sở hữu Cổ phần đại diện UBND tỉnh Vĩnh long	57.400 4.279.900	0,199% 14,809%
3	Bùi Thiện Ngọc Minh	TV HĐQT, Kế toán trưởng	Cổ phần cá nhân sở hữu	16.400	0,057%
4	Lê Thị Quyến	TV HĐQT	Cổ phần cá nhân sở hữu	15.300	0,05%
5	Huỳnh Văn Nhân	TV HĐQT	Cổ phần đại diện Công ty cổ phần nước và môi trường đồng bằng	1.445.000	5,000%

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Họ Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ%
1	Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch HĐQT	8/8	100%
2	Nguyễn Tấn Phát	Thành viên HĐQT	8/8	100%

3	Bùi Thiện Ngọc Minh	Thành viên HĐQT	8/8	100%
4	Lê Thị Quyến	Thành viên HĐQT	8/8	100%
5	Huỳnh Văn Nhân	Thành viên HĐQT	8/8	100%

2.2. Các nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2018

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	03/01/2018	♦ Thông qua chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu.
2	02/NQ-HĐQT	12/03/2018	♦ Thông qua việc tập triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và ngày đăng ký cuối cùng
3	03/NQ-HĐQT	10/04/2018	♦ Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
4	04/NQ-HĐQT	24/05/2018	♦ Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt
5	05/NQ-HĐQT	12/06/2018	♦ Thông qua việc chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.
6	06/NQ-HĐQT	02/07/2018	♦ Thông qua chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu.
7	07/NQ-HĐQT	05/10/2018	♦ Thông qua chủ trương đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu.
8	08/NQ-HĐQT	03/11/2018	♦ Thông qua việc thuê nhân công ngoài thi công các công trình.
9	405 Quyết định phục vụ công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh năm 2018		

2.3. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, năng động, đặc biệt tìm kiếm khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước và phát triển khách hàng.

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức họp và ban hành 08 Nghị quyết và 405 các Quyết định để kịp thời giải quyết các công việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh trong năm 2018.

- Triển khai thực hiện Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng để hoàn thiện công tác quản trị công ty. Tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định. Giám sát

chặt chẽ công tác quản lý, điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng, Ban của công ty.

2.4. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc Công ty

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động. Tổng Giám đốc đã triển khai các biện pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

- Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

- Định kỳ, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị; đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực, tài lực phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty.

- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018:

a) Kết quả sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	m3	15.200.000	15.376.759	101,16%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu/đ	133.900	140.007	104,56%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu/đ	28.765	33.538	116,59%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu/đ	25.275	31.652	125,23%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu/đ	10.381	11.401	109,82%
6	Tiền lương bình quân	Triệu/đ	7,82	8,01	102,52%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn điều lệ	%	8,75%	10,95%	125,23%
8	Vốn điều lệ	Triệu/đ	289.000	289.000	100,00%

- Sản lượng nước sạch tiêu thụ đạt 101,16% so với kế hoạch, tăng 1,16%
- Tỷ lệ % thất thoát nước năm 2018 là: 21,5%
- Tổng doanh thu đạt 104,56% so với kế hoạch, tăng 4,56%.

***Trong đó:** Doanh thu từ hoạt động sản xuất nước sạch là 120,3 tỷ đồng, tăng 101,07% so với kế hoạch.*

- Lợi nhuận trước thuế TNDN đạt 116,59% so với kế hoạch, tăng 16,59%

***Trong đó:** Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch là 24,1 tỷ đồng, tăng 106,57% so với kế hoạch.*

- Kế hoạch trả cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018 được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua mức cổ tức tối thiểu là 5%/vốn điều lệ. Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, Hội đồng quản trị công ty dự kiến trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt là 6% /vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 17,34 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế còn lại chuyển sang năm tiếp theo.

b) Phương án điều chỉnh giá nước sạch

Công ty đã lập và trình phương án điều chỉnh giá nước sạch năm 2018 gửi các sở ngành chức năng thẩm định, đề trình UBND tỉnh Vĩnh Long xem xét quyết định điều chỉnh tăng giá tiêu thụ nước sạch.

Ngày 14/02/2019 UBND tỉnh Vĩnh Long đã ban hành Quyết định số 379/QĐ.UBND phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch, theo đó công ty đã tiến hành tổ chức điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch thuộc vùng phục vụ của công ty trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long từ ngày 01/03/2019.

c) Công bố thông tin với UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính và Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Trong năm 2018 Công ty không xảy ra trường hợp chậm công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

d) Kết quả đầu tư xây dựng cơ bản

- Phát triển mở rộng mạng lưới ống phân phối và khách hàng năm 2018
 - + Ống phân phối: 73.404 m với giá trị 17.504 triệu đồng.
 - + Lắp đặt mới đồng hồ nước: 4.691 chiếc với giá trị 7.757 triệu đồng
- Thay thế đồng hồ kiểm định định kỳ 05 năm/lần: 13.254 chiếc, với giá trị 6.892 triệu đồng
- Công tác triển khai thực hiện các dự án cấp nước:
 - + Dự án quy hoạch tổng thể HTCN đô thị tỉnh Vĩnh Long năm 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với tổng mức đầu tư 1,9 tỷ đồng, đến 31/12/2018 đã thực hiện 568 triệu đồng.
 - + Dự án xây dựng hồ chứa nước thô NMN Vũng Liêm, tổng mức đầu tư 17,5 tỷ đồng, đến 31/12/2018 đã giải ngân 14.999 triệu đồng (trong đó tiền bồi thường giải tỏa mặt bằng cho các hộ dân là 14.539 triệu đồng).
 - + Dự án đầu tư xây dựng bể chứa nước sạch Trạm CN Long Hồ W=1.500 m³, Tổng mức đầu tư 6,5 tỷ đồng đến 31/12/2018 đã thực hiện 5.659 triệu đồng.
 - + Dự án xây dựng tuyến ống cấp nước về khu công nghiệp Hòa Phú (Đoạn từ vòng xoay Quốc lộ 1A - Đình Tiên Hoàng đến khu công nghiệp Hòa Phú), Tổng mức đầu tư 23,3 tỷ đồng đến 31/12/2018 đã thực hiện 201 triệu đồng.

2. Các mặt hoạt động của Công ty, thuận lợi, khó khăn.

Thực hiện tốt công tác vận hành, khai thác hệ thống cấp nước và công tác đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, cụ thể sản lượng nước sạch tiêu thụ năm 2018 đã sản xuất và cung cấp đến người tiêu dùng 15.376.759 m³ đạt 101,16% so với kế hoạch.

Công tác phát triển mạng lưới ống phân phối và lắp đặt đồng hồ nước để mở rộng sản xuất kinh doanh đến ngày 31/12/2018 công ty đã đạt 68.749 hộ khách hàng sử dụng nước trong toàn đô thị Tỉnh (*không tính Bình Minh, Bình Tân và Mang Thít*). Nâng tỷ lệ dân số được cấp nước sạch trên địa bàn đô thị tỉnh Vĩnh Long lên 99,1% với mức cung cấp nước sạch bình quân khu vực đô thị là 109 lít/người/ngđ đạt và vượt mục tiêu quốc gia.

Thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ và khắc phục các sự cố hư hỏng, duy trì sự hoạt động cấp nước liên tục tại các đô thị đảm bảo cung cấp nước cho nhân dân trong sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn đô thị tỉnh Vĩnh Long.

Tuy nhiên, Công ty vẫn còn vướng phải các vấn đề khó khăn nhất định như: Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án đầu tư hệ thống cấp nước gặp rất nhiều khó khăn, thời gian kéo dài.

Áp lực về chỉ tiêu trả cổ tức hàng năm bắt buộc Công ty phải thực hiện chính sách quản trị doanh nghiệp thật tốt, tính toán và thực hiện giảm tối đa chi phí để tăng lợi nhuận. Nhưng bên cạnh đó vẫn phải đảm bảo nguồn vốn tích lũy để trả nợ gốc vốn vay, đảm bảo tiền lương cho người lao động và trả lãi vay Ngân hàng.

Nguồn vốn để thực hiện các dự án phát triển mạng trước đây chủ yếu là nguồn vốn Ngân sách. Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ phải tiếp tục thực hiện bằng các nguồn vốn vay tín dụng và nguồn vốn tự có của Công ty nên đòi hỏi Công ty phải cân đối, phân kỳ đầu tư, ưu tiên các dự án thực hiện trước nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của nhân dân và hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp.

Tình hình giá cả các mặt hàng: Hóa chất, nhiên liệu và điện năng có chiều hướng tăng làm cho chi phí sản xuất tăng đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng theo kế hoạch đã được thông qua. Nhìn chung, trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo tài chính hàng quý, năm. Từ đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Công tác quản lý tài chính

Công tác quản lý tài chính trong năm 2018 luôn được Hội đồng quản trị chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát các chỉ tiêu tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đầu tư xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật... Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng quy mô lớn.

IV. BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS, NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY CHUYÊN TRÁCH NĂM 2018

1. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Thù lao/Tiền lương			Tiền thưởng (đồng/năm)	Tổng cộng (đồng/năm)
		Số lượng thành viên (người/năm)	Bình quân (tháng/người)	Giá trị (đồng/năm)		
1	Thù lao thành viên HĐQT	4	4.500.000	216.000.000	-	216.000.000
2	Thù lao thành viên BKS	2	3.000.000	72.000.000	-	72.000.000
3	Người quản lý công ty chuyên trách (*)	6	38.600.000	2.779.200.000	347.400.000	3.126.600.000

(*) Người quản lý công ty chuyên trách gồm: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 Trưởng Ban kiểm soát, 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Tổng Giám đốc năm 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị (đồng/năm)	Ghi chú
1	Thù lao thành viên HĐQT	Đồng	54.000.000	
2	Tiền lương Tổng Giám đốc	Đồng	504.000.000	
3	Tiền Thưởng Tổng Giám đốc	Đồng	63.000.000	
	Tổng cộng		621.000.000	

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Trong năm 2019 dự báo tình hình kinh tế Việt Nam tiếp tục ổn định và đang trên đà phát triển. Tuy nhiên doanh nghiệp sẽ đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn các chi phí đầu vào tiếp tục tăng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu mà trực tiếp là tình trạng xâm nhập mặn, tăng giá điện ... trong bối cảnh đó HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty trong năm 2019 như sau:

- Chỉ đạo quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Tăng cường công tác dự báo tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của công ty an toàn, hiệu quả và phát triển nguồn vốn, tăng cường công tác giám sát, quản lý tốt công nợ nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ gia tăng sản lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng vùng phục vụ của công ty.
- Triển khai thực hiện đào tạo và chuyển giao sử dụng phần mềm GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng.
- Triển khai thực hiện đề án Scada, đồng hồ thông minh cho hệ thống cấp nước, đa dạng hóa nhiều hình thức thu tiền nước để tiến tới việc thu tiền nước không dùng tiền mặt.

- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn cao và nhiệt quyết trong công việc, có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị, điều hành thông qua việc xây dựng và ban hành các quy định, quy chế quản trị nội bộ, đặt biệt là việc xây dựng và ban hành bộ định mức đối với hoạt động xây lắp và sản xuất nước sạch, nước đóng chai... đưa vào sử dụng hình thức khoán chi phí đến từng bộ phận, trả lương theo năng suất và hiệu quả công việc.

- Phân đầu đạt tỷ lệ hộ dân cấp nước theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, tập trung thực hiện cấp nước an toàn, đầu tư có chiều sâu để giảm tỷ lệ thất thoát nước theo kế hoạch năm 2019 là 20,5%, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của tất cả khách hàng trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung tuyên truyền nâng cao ý thức kỷ luật lao động, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm và quản lý tốt chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

- Chỉ đạo điều hành tái cơ cấu toàn diện công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, hiệu quả trong điều hành tập trung vào các hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh nước sạch đồng thời mở rộng đầu tư hoặc hợp tác đầu tư ở những lĩnh vực cho phép.

- Thực hiện chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và các quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả quản trị điều hành năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Xin trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(đã ký)

ĐẶNG TẤN CHIẾN

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 52 Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long (*Điều lệ sửa đổi bổ sung Lần 1 đã được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2018*) và quy định tại Điều 17 Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Căn cứ báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam và kết quả kiểm soát trên cơ sở các tài liệu liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty.

Về đánh giá kết quả các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2018: Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo đánh giá kết quả hoạt động năm 2018 của HĐQT về các mặt: kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác quản lý công nợ và các mặt công tác khác của Công ty, đồng thời báo cáo đã nêu rõ những vấn đề còn tồn tại và lưu ý những vấn đề cần quan tâm chỉ đạo thực hiện trong năm 2019.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty. Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2018 và kế hoạch năm 2019 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long được tổ chức ngày 25/05/2016 (Bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2020), Chúng tôi được Đại hội đồng cổ đông bầu là thành viên Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát đã thống nhất việc phân công công việc trong nhiệm kỳ gồm:

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| + Ông Lương Minh Triết | - Trưởng Ban kiểm soát |
| + Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung | - Thành viên Ban kiểm soát |
| + Bà Trần Thị Huỳnh Mai | - Thành viên Ban kiểm soát |

Trong năm 2018 Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra: từ đầu năm 2018, Ban kiểm soát đã lên kế hoạch kiểm tra thường xuyên mọi hoạt động của Công ty; giám sát việc thực hiện công tác kế toán trên phần mềm kế toán; giám sát việc thực hiện phương án điều chỉnh giá nước sạch năm 2018. Các thành viên Ban kiểm soát cũng đã trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản năm 2018 cùng với đoàn kiểm kê của Công ty và đơn vị kiểm toán độc lập...

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động... của Công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông; giám sát việc thực hiện kế hoạch thoái vốn nhà nước.

- Giám sát việc sửa đổi Điều lệ Công ty và đóng góp ý kiến sửa đổi Quy chế quản trị của Công ty; đóng góp ý kiến các quy chế nội bộ khác...

- Giám sát việc thực hiện phần mềm hóa đơn điện tử, chuẩn bị đưa vào vận hành chính thức trong đầu Quý 2/2019.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

STT	Họ Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ%
1	Lương Minh Triết	Trưởng Ban kiểm soát	06/06	100%
2	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	06/06	100%
3	Bà Trần Thị Huỳnh Mai	Thành viên Ban kiểm soát	06/06	100%

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát đều được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát cũng đã tích cực học tập, nâng cao nghiệp vụ do Công ty tổ chức. Trong năm, các thành viên Ban kiểm soát còn tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng dài hạn về chuyên ngành kế toán; các khóa huấn luyện các chuyên đề về quản lý tài chính, kế toán, chính sách thuế nhằm đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ, cập nhật kịp thời các qui định của Nhà nước.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao; đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH:

1/ Về thực hiện kế hoạch kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018) đã được thực hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực trong báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh của HĐQT và Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính năm 2018 (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018) của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện.

Các chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết ĐHĐCĐ giao năm 2018, thực hiện như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng tiêu thụ	m ³	15.200.000	15.376.759	101,16%
2	Doanh thu	Triệu đồng	133.900	140.007	104,56%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	28.765	33.538	116,59%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	25.275	31.652	125,23%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	%	8,75	10,95	125,14%
6	Tỷ suất cổ tức / Vốn cổ phần (*)	%	5	6	120,00%

Ghi chú:

- + Sản lượng nước sạch tiêu thụ đạt 101,16% so với kế hoạch, tăng 1,16%
- + Tổng doanh thu đạt 104,56% so với kế hoạch, tăng 4,56%.
- + Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 125,23% so với kế hoạch, tăng 25,23%
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ đạt 125,14% so với kế hoạch, tăng 25,14%

(*) Hội đồng quản trị công ty dự kiến trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt là 6% /vốn điều lệ.

- Công ty luôn chú trọng công tác quản lý vận hành, kiểm soát chất lượng nước, chống thất thoát nước, tiết kiệm điện năng, vật tư sản xuất nước...

- Thực hiện tốt công tác vận hành, khai thác hệ thống cấp nước và công tác đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, sản lượng nước tiêu thụ của công ty năm 2018 là 15.376.759 m³ tăng 1,16% so với kế hoạch; lắp đặt phát triển khách hàng tăng thêm 4.691 hộ, nâng tổng hộ sử dụng nước tính đến ngày 31/12/2018 lên đến 68.749 hộ trong toàn đô thị trong Tỉnh (ngoại trừ Bình Minh, Bình Tân và Mang Thít). Nâng tỷ lệ dân số được cấp nước sạch trên

địa bàn đô thị tỉnh Vĩnh Long lên 99,1% với mức cung cấp nước sạch bình quân là 109 lít/người/ngđ đạt và vượt mục tiêu quốc gia.

2/ Về công tác đầu tư phát triển:

- Công tác thi công lắp đặt các tuyến ống cấp nước phân phối và đồng hồ nước:

+ Ống phân phối: 73.404 m với giá trị 17.504 triệu đồng.

+ Lắp đặt mới đồng hồ nước: 4.691 chiếc với giá trị 7.757 triệu đồng.

- Công tác triển khai thực hiện các dự án:

+ Dự án quy hoạch tổng thể HTCN đô thị tỉnh Vĩnh Long năm 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với tổng mức đầu tư 1,9 tỷ đồng, đến 31/12/2018 đã thực hiện 568 triệu đồng.

+ Dự án xây dựng hồ chứa nước thô NMN Vũng Liêm; tổng mức đầu tư 17,5 tỷ đồng, đến 31/12/2018 đã giải ngân 14.999 triệu đồng (trong đó tiền bồi thường giải tỏa mặt bằng cho các hộ dân là 14.539 triệu đồng).

+ Dự án đầu tư xây dựng bể chứa nước sạch Trạm CN Long Hồ W=1.500 m³; Tổng mức đầu tư 6,5 tỷ đồng đến 31/12/2018 đã thực hiện 5.659 triệu đồng.

+ Dự án xây dựng tuyến ống cấp nước về KCN Hòa Phú; Tổng mức đầu tư 23,3 tỷ đồng đến 31/12/2018 đã thực hiện 201 triệu đồng.

III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Thẩm định báo cáo tài chính :

- Báo cáo tài chính năm 2018 (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018) bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định.

- Báo cáo tài chính năm 2018 (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty: “... phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018:

DVT: đồng

CHỈ TIÊU		31/12/2018	31/12/2017
	TỔNG TÀI SẢN	432.827.806.064	424.041.703.438
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	153.104.595.644	145.770.666.915
I-	Tiền và các khoản tương đương tiền	12.170.489.821	5.986.618.410

CHỈ TIÊU		31/12/2018	31/12/2017
II-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	115.259.000.000	112.734.000.000
III-	Các khoản phải thu ngắn hạn	12.677.851.518	14.323.491.035
IV-	Hàng tồn kho	11.461.196.666	12.324.904.319
V-	Tài sản ngắn hạn khác	1.536.057.639	401.653.151
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	279.723.210.420	278.271.036.523
I-	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
II-	Tài sản cố định	233.873.559.846	238.814.799.184
III-	Bất động sản đầu tư	0	0
IV-	Tài sản dở dang dài hạn	29.173.746.256	19.008.699.270
V-	Đầu tư tài chính dài hạn	11.893.754.818	14.710.754.818
VI-	Tài sản dài hạn khác	4.782.149.500	5.736.783.251
	TỔNG NGUỒN VỐN	432.827.806.064	424.041.703.438
A-	NỢ PHẢI TRẢ	111.207.930.354	125.813.432.226
I-	Nợ ngắn hạn	39.943.390.544	52.415.323.276
II-	Nợ dài hạn	71.264.539.810	73.398.108.950
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU	321.619.875.710	298.228.271.212
I-	Vốn chủ sở hữu	321.051.237.741	297.659.633.243
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	289.000.000.000	289.000.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	9.776.713.390	8.194.113.090
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.274.524.351	465.520.153
II-	Nguồn kinh phí và quỹ khác	568.637.969	568.637.969

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2018:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2018
1- Cơ cấu tài sản		
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	64,63
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	35,37
2- Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	26,00
Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	74,00
Nợ phải trả/Vốn CSH	%	34,58
3- Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,55

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2018
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tổng tài sản/Nợ ngắn hạn)	Lần	10,84
Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	3,89
4-Hiệu quả		
Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	7,31
Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	22,61
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	9,84
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn điều lệ	%	10,95

- Công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác SXKD, ĐTXD; đảm bảo có lợi nhuận, trích lập các quỹ theo đúng quy định. Tính đến thời điểm 31/12/2018, các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

- Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn: Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn CSH năm 2018 đạt 0,35 lần. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán hiện hành đều đảm bảo trên 1 lần.

- Công ty theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu theo từng đối tượng khách hàng, theo từng hợp đồng, có phân loại tuổi nợ chi tiết và thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến trích lập dự phòng nợ phải thu thể hiện sự chủ động trong phân loại, xử lý các khoản công nợ này, đảm bảo không gây ảnh hưởng đột biến tới kết quả kinh doanh hàng năm.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, tổng số phải nộp ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm 2018 là 11,401 tỷ đồng.

- Sau khi xem xét, thẩm tra, Ban kiểm soát hoàn toàn đồng ý với Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam; Ban kiểm soát Công ty nhất trí xác nhận số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2018 (từ ngày 31/01/2018 đến ngày 31/12/2018) của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Giám sát hoạt động của HĐQT và công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2018:

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm 2018, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty.

Báo cáo hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các văn bản, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2018. Ban kiểm soát thống nhất

với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc Công ty trong năm 2018.

2. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng thường niên năm 2018:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.

- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2018. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2018 (từ ngày 31/01/2018 đến ngày 31/12/2018) của Công ty.

- Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua; chi tiết đã được thể hiện trên phần IV (Báo cáo tiền lương, tiền thưởng, thù lao của HĐQT, BKS, người quản lý công ty chuyên trách năm 2018) trong Báo cáo của HĐQT năm 2018 tại ĐHĐCĐ 2019.

Trong năm 2018, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, các Đơn vị trực thuộc, Phòng/Ban nghiệp vụ đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, tổ chức kinh doanh có lãi, đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông.

3. Việc công bố thông tin với UBCKNN & Sở giao dịch chứng khoán:

- Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính và Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Trong năm 2018 Công ty không xảy ra trường hợp chậm công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Các hoạt động công tác khác:

- Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng pháp luật; các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể:

- + Việc thực hiện ký kết hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

- + Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV ngoài việc thực hiện đúng Luật Lao động còn có biện pháp theo dõi, sắp xếp lực lượng lao động trong Công ty phù hợp với sức khỏe của người lao động.

- + Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ đúng quy định, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, ốm đau, bệnh tật... được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động trong Công ty ngoài ra Công ty còn tổ chức tham quan học tập trong nước, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao,..., nhằm giúp người lao động có tinh thần làm việc làm ổn định, đời sống được đảm bảo.

- Các tổ chức chính trị xã hội: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên... đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí hoạt động theo đúng luật định.

V. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban kiểm soát thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán và Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục giám sát việc hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đồng thời kiểm soát việc thực hiện các quy chế, quy trình quản lý này.

Ban kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty.

Giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính ĐHCĐ giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng thang bảng lương theo phương pháp 3P, tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động...

- Tổ chức đào tạo, nâng cao nhận thức về an toàn lao động và tăng cường công tác giám sát kiểm tra an toàn, phòng chống cháy nổ; thực hiện tốt công tác cấp nước an toàn, đảm bảo chất lượng nước máy, nước đóng chai theo tiêu chuẩn quy định...

- Lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả; tiếp tục ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động sản xuất kinh doanh (SCADA, GIS...); thực hiện nhờ thu qua các đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính như: ngân hàng thương mại, Bưu điện, Viettel...; thực hiện số hóa hồ sơ khách hàng; tích cực chống thất thoát, thất thu nước.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, duy trì sự đồng thuận cao thông qua việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và toàn thể CBCNV của Công ty CP Cấp Nước Vĩnh Long. Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2018 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông giao.

1. Ông Lương Minh Triết- Trưởng Ban kiểm soát: Tổ chức thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết, Quy chế, Quy định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Giám sát hoạt động tài chính, thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty. Kiểm soát hiệu quả việc thực hiện thủ tục, quy trình các dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư, công tác ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế. Kiểm soát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có liên quan đến công tác tài chính kế toán của Công ty và phân chia cổ tức hàng năm.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Thành viên Ban kiểm soát: kiểm soát tính tuân thủ về pháp lý các văn bản của Công ty (Cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc) theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Kiểm soát việc tuân thủ qui định về công bố thông tin của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện thu nộp tiền nước. Xem xét kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm.

3. Bà Trần Thị Huỳnh Mai- Thành viên Ban kiểm soát: kiểm soát thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác tài chính kế toán của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động và việc tổ chức thực hiện Luật lao động trong Công ty. Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh nước đóng chai.

Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2018. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 hôm nay, Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trình trước Đại hội, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua và xác nhận báo cáo của Ban kiểm soát.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định, bền vững, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, chúc Đại hội cổ đông thành công tốt đẹp.

Trân trọng báo cáo Đại hội.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGD Công ty;
- Lưu: BKS, Thư ký HĐQT, TCHC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(đã ký)

Lương Minh Triết

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04 /TT-CNVL

TP.Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi **Công ty TNHH Kiểm Toán CPA VIETNAM** như sau:

- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Nội dung chi tiết theo Báo cáo tài chính kiểm toán được đính kèm

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

ĐẶNG TẤN CHIẾN

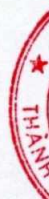
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức Cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long theo Quyết định số 378/QĐ.UBND ngày 13 tháng 03 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 401/ QĐ.UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long thành công ty cổ phần; Quyết định số 3090/ QĐ.UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và số tiền phải nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 1500174831, ngày 31 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Vốn điều lệ là 289.000.000.000 VND (Hai trăm tám mươi chín tỷ đồng). Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã VLW

Tên tiếng Anh: Vinh Long Water Supply joint Stock Company

Địa chỉ đăng ký: Số 02 Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Tấn Chiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tấn Phát	Thành viên
Bà Bùi Thiện Ngọc Minh	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Nhân	Thành viên
Bà Lê Thị Quyển	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tấn Phát	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Bản	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tấn Phát
Tổng Giám đốc
Vĩnh Long, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Phê duyệt của Hội đồng Quản trị



Đặng Tấn Chiến
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 218/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Thị Minh Anh, the auditor.

Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Minh Anh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	12/31/2018 VND	01/01/2018 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		153.104.595.644	145.770.666.915
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.170.489.821	5.986.618.410
1. Tiền	111		9.170.489.821	5.986.618.410
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		115.259.000.000	112.734.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	115.259.000.000	112.734.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.677.851.518	14.323.491.035
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	9.342.409.932	9.477.563.787
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		332.318.500	1.417.218.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	3.757.753.844	4.343.048.754
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(754.630.758)	(914.339.506)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	11.461.196.666	12.324.904.319
1. Hàng tồn kho	141		11.461.196.666	12.324.904.319
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.536.057.639	401.653.151
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	227.400.421	276.226.052
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		957.291.754	117.437.599
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	351.365.464*	7.989.500
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		279.723.210.420	278.271.036.523
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		233.873.559.846	238.814.799.184
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	233.721.495.846	238.602.400.271
- Nguyên giá	222		493.677.944.400	475.457.075.770
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(259.956.448.554)	(236.854.675.499)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	152.064.000	212.398.913
- Nguyên giá	228		463.834.100	463.834.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(311.770.100)	(251.435.187)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	29.173.746.256	19.008.699.270
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.173.746.256	19.008.699.270
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.893.754.818	14.710.754.818
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.11	6.910.754.818	6.910.754.818
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	300.000.000	300.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	4.683.000.000	7.500.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		4.782.149.500	5.736.783.251
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	4.782.149.500	5.736.783.251
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		432.827.806.064	424.041.703.438

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	12/31/2018	01/01/2018
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		111.207.930.354	125.813.432.226
I- Nợ ngắn hạn	310		39.943.390.544	52.415.323.276
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	10.722.165.263	4.527.594.412
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		657.436.300	107.639.771
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	976.180.231	2.614.290.217
4. Phải trả người lao động	314	5.14	6.636.064.773	11.146.696.695
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	351.088.424	756.150.837
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.047.230.255	18.364.808.426
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	5.307.480.000	5.307.480.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		14.245.745.298	9.590.662.918
II- Nợ dài hạn	330		71.264.539.810	73.398.108.950
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	17.024.868.814	17.524.118.814
2. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.17	45.113.836.636	50.421.316.636
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		9.186.386	22.965.972
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.18	9.116.647.974	5.429.707.528
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		321.619.875.710	298.228.271.212
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	321.051.237.741	297.659.633.243
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		289.000.000.000	289.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		289.000.000.000	289.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.776.713.390	8.194.113.090
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.274.524.351	465.520.153
LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		465.520.153	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.809.004.198	465.520.153
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		568.637.969	568.637.969
1. Nguồn kinh phí	431	5.20	568.637.969	568.637.969
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		432.827.806.064	424.041.703.438

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Văn Thắng

Bùi Thiện Ngọc Minh

Nguyễn Tấn Phát



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	130.426.032.955	117.300.868.246
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.701.924	1.364.039
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.21	130.424.331.031	117.299.504.207
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	53.420.813.110	51.483.114.462
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		77.003.517.921	65.816.389.745
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	8.650.184.207	7.784.881.822
7. Chi phí tài chính	22	5.24	161.082.797	180.053.522
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		161.082.797	180.053.522
8. Chi phí bán hàng	25	5.25	30.495.514.554	26.181.169.696
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	21.469.603.669	19.281.728.108
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		33.527.501.108	27.958.320.241
11. Thu nhập khác	31	5.27	932.185.161	8.468.431.961
12. Chi phí khác	32	5.27	921.279.669	360.655.376
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		10.905.492	8.107.776.585
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		33.538.406.600	36.066.096.826
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	1.900.180.189	5.242.121.999
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(13.779.586)	(13.779.586)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		31.652.005.997	30.837.754.413
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.29	809	799

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Văn Thắng

Bùi Thiện Ngọc Minh

Nguyễn Tấn Phát

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33.538.406.600	36.066.096.826
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	23.401.550.097	22.638.119.314
- Các khoản dự phòng	03	(159.708.748)	833.992.330
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.350.928.063)	(7.756.873.905)
- Chi phí lãi vay	06	161.082.797	180.053.522
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	48.590.402.683	51.961.388.087
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	711.130.391	3.593.211.303
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	863.707.653	(1.570.407.032)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	198.188.135	(22.789.926.434)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	1.003.459.382	767.622.752
- Tiền lãi vay đã trả	14	(122.514.912)	(137.438.683)
- Thuế thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.318.195.742)	(3.946.704.751)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	31.850.000	14.603.215.814
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.423.438.888)	(5.772.803.849)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.534.588.702	36.708.157.207
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(24.045.852.019)	(15.988.106.407)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(160.793.000.000)	(165.041.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	161.085.000.000	140.480.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.912.537.426	6.705.424.073
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.841.314.593)	(33.843.682.334)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.307.480.000)	(5.307.480.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.201.922.698)	(2.732.598.905)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(22.509.402.698)	(8.040.078.905)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	6.183.871.411	(5.175.604.032)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.986.618.410	11.162.222.442
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	12.170.489.821	5.986.618.410

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thắng



Bùi Thiện Ngọc Minh



Nguyễn Tấn Phát

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức Cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long theo Quyết định số 378/QĐ.UBND ngày 13 tháng 03 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 401/ QĐ.UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Long thành công ty cổ phần; Quyết định số 3090/ QĐ.UBND ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và số tiền phải nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 1500174831, ngày 31 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Tên tiếng Anh: Vinh Long Water Supply joint Stock Company

Tên viết tắt: VWACO

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần là 289.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn tại thời điểm 31/12/2018

Cổ đông	31/12/2018		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị (VND)
UBND tỉnh Vĩnh Long (vốn Nhà nước)	74,05%	21.399.500	213.995.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đồng Bằng	5,00%	1.445.000	14.450.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	15,38%	4.445.381	44.453.810.000
Các cổ đông khác	5,57%	1.610.119	16.101.190.000
Cộng	100%	28.900.000	289.000.000.000

Công ty hiện đang lưu ký chứng khoán trên Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và giao dịch trên thị trường UpCOM. Mã cổ phiếu là VLW.

Địa chỉ đăng ký: Số 02 Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 245 người (31/12/2017 là 254 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh đăng ký là sản xuất, kinh doanh nước sạch; sản xuất nước uống đóng chai; kinh doanh nước uống đóng chai; thi công xây lắp công trình kỹ thuật hạ tầng; đầu tư xây dựng các dự án cấp nước; kinh doanh các dự án cấp nước; tư vấn xây dựng, bao gồm: thiết kế, giám sát, quản lý dự án các công trình kỹ thuật hạ tầng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết, đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh, đầu tư vào đơn vị khác: Được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết, công ty đầu tư khác sau ngày Công ty đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
Máy móc thiết bị	05-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08
TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính khấu hao trong vòng 4 năm	

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo quyết định công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 10 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa theo Điều lệ của Công ty và các quy định hiện hành.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty được thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, theo đó Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch thuộc lĩnh vực xã hội hóa nhưng doanh nghiệp trước khi chuyển đổi chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo lĩnh vực ưu đãi thuế nên được hưởng ưu đãi thuế như dự án đầu tư mới kể từ khi chuyển đổi, theo quy định tại tiết đ, khoản 3, điều 10 thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015. Cụ thể, Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% thu nhập chịu thuế của hoạt động xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động, đồng thời công ty được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. Năm 2018 là năm đầu tiên công ty áp dụng hình thức miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế đối với các hoạt động còn lại.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	54.791.000	51.953.800
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.115.698.821	5.934.664.610
Tương đương tiền (*)	3.000.000.000	-
Cộng	12.170.489.821	5.986.618.410

Tương đương tiền là khoản mục tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất là 5,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn	115.259.000.000	115.259.000.000	112.734.000.000	112.734.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	8.699.000.000	8.699.000.000	23.308.000.000	23.308.000.000
- Chi nhánh Vĩnh Long				
Ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng	-	-	2.050.000.000	2.050.000.000
Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển	15.900.000.000	15.900.000.000	14.880.000.000	14.880.000.000
Nam - Chi nhánh Vĩnh Long				
Ngân hàng HD Bank chi nhánh Vĩnh Long	-	-	3.270.000.000	3.270.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	36.000.000.000	36.000.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000
- Chi nhánh Vĩnh Long				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Vĩnh Long	-	-	1.436.000.000	1.436.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Vĩnh Long	31.283.000.000	31.283.000.000	23.705.000.000	23.705.000.000
Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Vĩnh Long	10.343.000.000	10.343.000.000	9.012.000.000	9.012.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Cần Thơ	3.150.000.000	3.150.000.000	1.073.000.000	1.073.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân CN Vĩnh Long	9.884.000.000	9.884.000.000	-	-
b1) Dài hạn	4.683.000.000	4.683.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển chi nhánh Vĩnh Long	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.790.000.000	1.790.000.000	-	-
- Chi nhánh Vĩnh Long				
Ngân hàng TMCP Kiên long CN Vĩnh Long	2.893.000.000	2.893.000.000	-	-
Cộng	119.942.000.000	119.942.000.000	120.234.000.000	120.234.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và có thời gian thu hồi còn lại dưới 3 tháng tại thời điểm báo cáo với số tiền là 33.681.000.000 đồng (Tại ngày 01/01/2018 là 46.436.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	9.342.409.932	9.477.563.787
Phải thu tiền nước	7.353.293.172	7.433.661.870
Phí bảo vệ môi trường	473.219.516	266.861.774
Phòng Công Thương Huyện Tam Bình	246.516.000	246.516.000
Ban quản lý dự án Giao thông	53.933.000	779.036.700
Phòng quản lý đô thị TP Vĩnh Long	921.964.000	540.587.000
Các đối tượng khác	293.484.244	210.900.443
Cộng	9.342.409.932	9.477.563.787

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	3.757.753.844	-	4.343.048.754	-
Tạm ứng	32.031.000	-	180.000.000	-
Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bình Tân	-	-	350.000.000	-
Công Ty CP Nước và Môi Trường Cửu Long	-	-	288.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi Ngân hàng	3.450.498.496	-	3.038.851.715	-
BHXX phải thu người lao động	98.724.348	-	88.955.550	-
Phải thu khác	176.500.000	-	397.241.489	-
Cộng	3.757.753.844	-	4.343.048.754	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Nợ phải thu khó đòi

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, trong đó;	1.127.611.614	372.980.856	1.166.942.668	252.603.162
<i>Phải thu khách hàng tiền nước</i>	68.764.414	24.596.956	54.200.596	16.103.722
<i>Doanh nghiệp tư nhân Huệ Ngọc</i>	9.118.000	-	9.118.000	-
<i>Công ty TNHH Xây Dựng Thái Sơn</i>	30.686.000	-	30.686.000	-
<i>Sở Văn Hóa Thông tin truyền thông Vĩnh Long</i>	-	-	8.917.472	-
<i>Ban quản lý DA đầu tư xây dựng huyện Trà Ôn</i>	12.494.500	-	28.525.500	-
<i>Ban quản lý dự án giao thông Vĩnh Long</i>	112.188.700	-	589.565.100	150.624.240
<i>Phòng công thương huyện Tam Bình</i>	246.516.000	-	246.516.000	-
<i>Phòng quản lý đô thị TP Vĩnh Long</i>	643.422.000	346.172.900	199.414.000	85.875.200
<i>Ban quản lý DA đầu tư xây dựng TP Vĩnh Long</i>	4.422.000	2.211.000		
Trong đó				
	Quá hạn dưới 1 năm	Quá hạn từ 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
<i>Phải thu đối tượng tiền nước</i>	11.246.174	27.936.508	9.187.934	20.393.798
<i>Doanh nghiệp tư nhân Huệ Ngọc</i>	-	-	-	9.118.000
<i>Công ty TNHH Xây Dựng Thái Sơn</i>	-	-	-	30.686.000
<i>Sở Văn Hóa TT nợ tiền bảo hành công trình</i>	-	-	-	-
<i>Ban quản lý DA đầu tư xây dựng huyện Trà Ôn</i>	-	-	-	12.494.500
<i>Ban quản lý dự án giao thông Vĩnh Long</i>	-	-	-	112.188.700
<i>Phòng công thương huyện Tam Bình</i>	-	-	-	246.516.000
<i>Phòng quản lý đô thị TP Vĩnh Long</i>	408.524.000	35.484.000	141.547.000	57.867.000
<i>Ban Quản lý DA Đầu tư Xây dựng</i>	-	4.422.000	-	-
Cộng	419.770.174	67.842.508	150.734.934	489.263.998

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.495.005.329	-	10.782.981.859	-
Công cụ, dụng cụ	213.819.461	-	813.388.848	-
Chi phí SX KDDD	584.368.757	-	557.481.574	-
Thành phẩm	168.003.119	-	171.052.038	-
Cộng	11.461.196.666	-	12.324.904.319	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	227.400.421	276.226.052
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	227.400.421	276.226.052
b) Dài hạn	4.782.149.500	5.736.783.251
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	413.054.232	314.956.375
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	4.164.412.938	4.725.906.810
TSCĐ chuyển sang chi phí chờ phân bổ khi thực hiện Cổ phần hóa	204.682.330	695.920.066
Cộng	5.009.549.921	6.013.009.303

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa số 2122/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và được phân bổ dài hạn trong vòng 10 năm theo Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 của Bộ Tài chính. (thời gian phân bổ bắt đầu từ ngày 31/05/2016, là thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư 01/01/2018	98.062.467.653	71.910.912.440	304.482.410.025	1.001.285.652	475.457.075.770
Tăng trong năm	544.222.092	8.276.770.685	9.837.267.407	173.039.000	18.831.299.184
Mua trong năm	-	340.000.000	-	173.039.000	513.039.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	544.222.092	7.352.887.113	9.837.267.407	-	17.734.376.612
Tăng khác	-	583.883.572	-	-	583.883.572
Giảm trong năm	268.868.774	331.992.748	9.569.032	-	610.430.554
Thanh lý nhượng bán	268.868.774	331.992.748	9.569.032	-	610.430.554
Số dư tại 31/12/2018	98.337.820.971	79.855.690.377	314.310.108.400	1.174.324.652	493.677.944.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư 01/01/2018	46.989.303.642	43.134.534.361	145.921.117.384	809.720.112	236.854.675.499
Tăng trong năm	3.624.869.245	5.737.901.203	13.984.190.045	65.986.972	23.412.947.465
Khấu hao trong năm	3.617.157.001	5.673.881.166	13.984.190.045	65.986.972	23.341.215.184
Khấu hao, hao mòn tài sản phúc lợi và phát triển khoa học công nghệ	7.712.244	64.020.037	-	-	71.732.281
Giảm trong năm	96.011.144	208.335.366	6.827.900	-	311.174.410
Thanh lý nhượng bán	96.011.144	208.335.366	6.827.900	-	311.174.410
Số dư tại 31/12/2018	50.518.161.743	48.664.100.198	159.898.479.529	875.707.084	259.956.448.554
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	51.073.164.011	28.776.378.079	158.561.292.641	191.565.540	238.602.400.271
Tại ngày 31/12/2018	47.819.659.228	31.191.590.179	154.411.628.871	298.617.568	233.721.495.846

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thể chấp ngân hàng tại ngày 31/12/2018 là: 102.914.957.228 đồng (Tại ngày 01/01/2018 là 101.838.801.803 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết giá trị khấu hao vẫn còn sử dụng đến ngày 31/12/2018: 11.919.040.406 đồng (Tại ngày 01/01/2018 là 7.633.997.899 đồng).

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2018	463.834.100	463.834.100
Tăng trong năm	-	-
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>463.834.100</u>	<u>463.834.100</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2018	251.435.187	251.435.187
Tăng trong năm	60.334.913	60.334.913
Khấu hao trong năm	60.334.913	60.334.913
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>311.770.100</u>	<u>311.770.100</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2018	<u>212.398.913</u>	<u>212.398.913</u>
Tại 31/12/2018	<u>152.064.000</u>	<u>152.064.000</u>

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	29.173.746.256	19.008.699.270
Xây dựng bể chứa nước sạch NMN Long Hồ	5.036.380.182	296.930.000
Đầu tư xây dựng phần công nghệ trạm bơm nước thô NMN Trường An	-	1.591.814.227
Lắp đặt bơm cấp 1 NMN Vũng Liêm phục vụ thi công hồ chứa nước thô	-	878.553.331
Tuyến ống cấp nước D63 - 90 xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm	-	522.522.541
Công trình Hồ chứa nước thô Vũng Liêm	15.948.014.421	14.555.861.693
Quy hoạch cấp nước đô thị và khu cụm tuyến công nghiệp tỉnh Vĩnh Long	568.637.969	-
Các tuyến ống cấp nước khu vực Huyện Trà Ôn - Tỉnh Vĩnh Long (đợt 2) năm 2018, Đoạn từ NMN Trà Ôn đến đường nhựa ấp Đục Đông, Xã Thiện Mỹ - Huyện Trà Ôn	1.161.347.476	-
Công trình khác	6.459.366.208	1.163.017.478
Cộng	<u>29.173.746.256</u>	<u>19.008.699.270</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		Số lượng	31/12/2018 (VND)			01/01/2018 (VND)		
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý trình bày lại	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				6.910.754.818		-	6.910.754.818		-
Công ty Cổ phần nước và môi trường Cửu Long	20%	20%	180.000	1.910.754.818		-	1.910.754.818		-
Công ty Cổ phần nước và môi trường Bình Tân	25%	25%	500.000	5.000.000.000		-	5.000.000.000		-
Đầu tư vào đơn vị khác				300.000.000		-	300.000.000		-
Công ty Cổ phần nước và môi trường Mang Thít	15%	15%	30.000	300.000.000			300.000.000		-
Cộng				7.210.754.818	-	-	7.210.754.818	-	-

Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	10.722.165.263	10.722.165.263	4.527.594.412	4.527.594.412
Công ty Cổ Phần Sài Gòn Công Nghệ Nước	91.000.000	91.000.000	519.600.000	519.600.000
Công ty CP Nước và Môi Trường Cửu Long	649.292.700	649.292.700	628.652.430	628.652.430
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	3.079.670.000	3.079.670.000	-	-
Công ty TNHH Viễn thông Việt Hồng Hà	1.086.250.000	1.086.250.000	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Á Châu	955.661.000	955.661.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thành Công	966.169.000	966.169.000	-	-
Công ty TNHH Sáu Phát	1.707.811.000	1.707.811.000	1.540.237.000	1.540.237.000
Các đối tượng khác	2.038.156.563	2.038.156.563	298.867.982	298.867.982
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>				
Công ty CP. Nước và Môi Trường Cửu Long	649.292.700	649.292.700	628.652.430	628.652.430
Cộng	10.722.165.263	10.722.165.263	4.527.594.412	4.527.594.412

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp		Số đã nộp	Đơn vị tính: VND
	01/01/2018	trong năm	trong năm	31/12/2018
Phải nộp	2.614.290.217	11.665.624.863	13.303.734.849	976.180.231
Thuế GTGT	-	2.111.699.230	2.111.699.230	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.066.650.089	1.900.180.189	3.966.830.278	-
Thuế thu nhập cá nhân	235.796.275	762.993.839	642.391.852	356.398.262
Thuế tài nguyên	25.766.380	354.013.160	350.671.820	29.107.720
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	102.274.253	102.274.253	-
Thuế môn bài	-	12.000.000	12.000.000	-
Phí bảo vệ môi trường	286.077.473	6.422.464.192	6.117.867.416	590.674.249
Phải thu	7.989.500	7.989.500	351.365.464	351.365.464
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	7.989.500	7.989.500	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-	351.365.464	351.365.464

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Phải trả người lao động

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Viên chức quản lý chuyên trách	722.700.000	1.255.085.050
Người lao động	5.752.458.273	9.730.545.645
Tiền ăn giữa ca	160.906.500	161.066.000
Cộng	6.636.064.773	11.146.696.695

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	351.088.424	756.150.837
Công Ty Điện Lực Vĩnh Long	194.031.436	206.725.910
Phí cấp quyền khai thác nước mặt	-	97.427.066
Các khoản chi phí phải trả khác	157.056.988	451.997.861
Cộng	351.088.424	756.150.837

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Phải trả khác

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	1.047.230.255	1.047.230.255	18.364.808.426	18.364.808.426
Kinh phí công đoàn	-	-	19.767.900	19.767.900
Thuế thu nhập cá nhân	353.327.462	353.327.462	248.294.124	248.294.124
Cổ tức phải trả	3.591.000	3.591.000	17.489.164.500	17.489.164.500
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	660.321.427	660.321.427	557.597.369	557.597.369
Các khoản khác	29.990.366	29.990.366	49.984.533	49.984.533
b) Dài hạn	17.024.868.814	17.024.868.814	17.524.118.814	17.524.118.814
Phòng Tài Chính TP Vĩnh Long	1.487.783.000	1.487.783.000	1.487.783.000	1.487.783.000
Phòng Tài Chính - Kế Hoạch huyện Trà Ôn	998.500.000	998.500.000	1.497.750.000	1.497.750.000
Tiền giải phóng mặt bằng hồ chứa nước thô Vũng Liêm	14.538.585.814	14.538.585.814	14.538.585.814	14.538.585.814
Cộng	18.072.099.069	18.072.099.069	35.888.927.240	35.888.927.240

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		Trong năm		1/1/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	5.307.480.000	5.307.480.000	5.307.480.000	5.307.480.000	5.307.480.000	5.307.480.000
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam CN Vĩnh Long (*)	5.307.480.000	5.307.480.000	5.307.480.000	5.307.480.000	5.307.480.000	5.307.480.000
b) Vay dài hạn	45.113.836.636	45.113.836.636	-	5.307.480.000	50.421.316.636	50.421.316.636
Ngân hàng Phát triển Việt Nam CN Vĩnh Long (*)	45.113.836.636	45.113.836.636	-	5.307.480.000	50.421.316.636	50.421.316.636
Cộng	50.421.316.636	50.421.316.636	5.307.480.000	10.614.960.000	55.728.796.636	55.728.796.636

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(*) Công ty vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Long theo một số hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐODA-NHPTVN ngày 29/05/2012 để đầu tư hạng mục xây lắp, thiết bị. Thời hạn vay là 180 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 36 tháng kể từ thời điểm giải ngân lần đầu. Lãi suất vay trong hạn là 0,3%/năm, quá hạn là 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 25/2012/HĐTCTS-NHPT ngày 29/05/2012. Kỳ hạn trả nợ gốc đầu tiên là tháng 09 năm 2016. Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2018 41.504.563.000 đồng (Tại 01/01/2018 là 45.873.443.000 đồng).

- Hợp đồng vay vốn số 02/2012/HĐODA-NHPTVN ngày 29/05/2012 để đầu tư hạng mục xây lắp, thiết bị. Thời hạn vay là 180 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 36 tháng kể từ thời điểm giải ngân lần đầu. Lãi suất vay trong hạn là 0,3%/năm, quá hạn là 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 26/2012/HĐTCTS-NHPT ngày 29/05/2012. Kỳ hạn trả nợ gốc đầu tiên là tháng 09 năm 2016. Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2018 là 8.916.753.636 đồng (Tại 01/01/2018 là 9.855.353.636 đồng).

5.18 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển KH & CN VND	Quỹ đã hình thành TSCĐ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	5.429.707.528	-	5.429.707.528
<i>Tăng trong năm</i>			
Trích quỹ trong năm	3.750.960.483	-	3.750.960.483
Đầu tư mua sắm TSCĐ	-	1.431.113.889	1.431.113.889
<i>Giảm trong năm</i>			
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	(1.431.113.889)	-	(1.431.113.889)
Khấu hao TSCĐ	-	(64.020.037)	(64.020.037)
Tại ngày 31/12/2018	7.749.554.122	1.367.093.852	9.116.647.974

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Vốn chủ sở hữu*Đơn vị tính: VND***a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	289.000.000.000	371.365.878	2.531.941.821	291.903.307.699
Tăng trong năm	-	7.822.747.212	30.837.754.413	38.660.501.625
Lợi nhuận sau thuế	-	-	30.837.754.413	30.837.754.413
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	7.822.747.212	-	7.822.747.212
Giảm trong năm	-	-	32.904.176.081	32.904.176.081
Chia cổ tức năm 2017	-	-	17.340.000.000	17.340.000.000
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	7.741.428.869	7.741.428.869
Phân phối quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.822.747.212	7.822.747.212
Số dư tại 31/12/2017	289.000.000.000	8.194.113.090	465.520.153	297.659.633.243
Số dư tại 01/01/2018	289.000.000.000	8.194.113.090	465.520.153	297.659.633.243
Tăng trong năm	-	1.582.600.300	31.652.005.997	33.234.606.297
Lợi nhuận sau thuế	-	-	31.652.005.997	31.652.005.997
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	1.582.600.300	-	1.582.600.300
Giảm trong năm	-	-	9.843.001.799	9.843.001.799
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	8.260.401.499	8.260.401.499
Phân phối quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.582.600.300	1.582.600.300
Số dư tại 31/12/2018	289.000.000.000	9.776.713.390	22.274.524.351	321.051.237.741

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vốn góp của Nhà Nước	213.995.000.000	213.995.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Bằng	14.450.000.000	14.450.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	-	44.081.810.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	44.453.810.000	-
Vốn cổ đông khác	16.101.190.000	16.473.190.000
Cộng	289.000.000.000	289.000.000.000

a. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn góp đầu năm	289.000.000.000	289.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	289.000.000.000	289.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được phân phối trong năm	-	17.340.000.000

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn góp đầu năm	289.000.000.000	289.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	289.000.000.000	289.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được phân phối trong năm	-	17.340.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**c. Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.900.000	28.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.900.000	28.900.000
Cổ phiếu phổ thông	28.900.000	28.900.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.20 Nguồn kinh phí

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nguồn kinh phí sự nghiệp	568.637.969	568.637.969
Cộng	568.637.969	568.637.969

5.21 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	130.426.032.955	117.300.868.246
Doanh thu cung cấp nước sạch	120.291.198.092	108.427.815.903
Doanh thu xây lắp	4.848.782.804	3.736.467.264
Doanh thu kinh doanh vật tư	373.634.359	215.121.959
Doanh thu nước đóng chai	4.912.417.700	4.921.463.120
b) Giảm trừ doanh thu	1.701.924	1.364.039
Giảm trừ khác	1.701.924	1.364.039
Doanh thu thuần (a-b)	130.424.331.031	117.299.504.207

5.22 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	44.743.696.546	44.248.884.715
Giá vốn xây lắp	4.267.161.407	3.210.900.819
Giá vốn kinh doanh vật tư	341.801.892	192.774.198
Giá vốn nước đóng chai	4.068.153.265	3.830.554.730
Cộng	53.420.813.110	51.483.114.462

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.626.184.207	7.344.881.822
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.000.000	440.000.000
Cộng	8.650.184.207	7.784.881.822

5.24 Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	161.082.797	180.053.522
Cộng	161.082.797	180.053.522

5.25 Chi phí bán hàng

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.266.745.412	3.129.718.722
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.082.173.077	12.729.610.623
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, công cụ	13.405.896.027	9.645.713.629
Chi phí khác	740.700.038	676.126.722
Cộng	30.495.514.554	26.181.169.696

5.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.895.229.269	10.769.204.115
Chi phí công cụ dụng cụ, lợi thế thương mại phân	561.493.872	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	708.213.067	607.154.162
Chi phí dự phòng	(159.708.748)	833.992.330
Trích quỹ khoa học và công nghệ	3.750.960.483	2.288.957.138
Chi phí bằng tiền khác	4.713.415.726	4.782.420.363
Cộng	21.469.603.669	19.281.728.108

5.27 Lợi nhuận khác

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu hỗ trợ bồi thường	132.694.396	180.618.686
Phí bảo vệ môi trường giữ lại	713.607.132	391.348.153
Thu nợ khó đòi đã xử lý	434.650	600.950
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản chuyển sang kinh doanh	-	7.851.074.364
Các khoản khác	85.448.983	44.789.808
Cộng	932.185.161	8.468.431.961
Chi phí khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	299.256.144	28.007.917
Chi phí thu phí bảo vệ môi trường	606.566.063	332.645.932
Các khoản khác	15.457.462	1.527
Cộng	921.279.669	360.655.376
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	10.905.492	8.107.776.585

5.28 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.538.406.600	36.066.096.826
2. Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	244.173.534	234.231.674
Chi phí không hợp lý hợp lệ	244.173.534	234.231.674
3. Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	24.000.000	440.000.000
Thu nhập từ nhận cổ tức	24.000.000	440.000.000
4. Thu nhập chịu thuế	33.758.580.134	35.860.328.500
5. Thu nhập tính thuế	33.758.580.134	35.860.328.500
Thu nhập tính thuế từ hoạt động xã hội hóa	24.257.679.194	19.299.437.015
Thu nhập tính thuế còn lại	9.500.900.940	16.560.891.485
6. Thuế suất thuế TNDN áp dụng		-
Thuế suất từ hoạt động xã hội hóa	10%	10%
Thuế suất hoạt động bình thường	20%	20%
7. Thuế TNDN phải nộp	4.325.948.108	5.242.121.999
8. Thuế TNDN được miễn giảm (*)	2.425.767.919	
9. Thuế TNDN hiện hành (7-8)	1.900.180.189	5.242.121.999

(*) Công ty được thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, theo đó Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch thuộc lĩnh vực xã hội hóa nhưng doanh nghiệp trước khi chuyển đổi chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo lĩnh vực ưu đãi thuế nên được hưởng ưu đãi thuế như dự án đầu tư mới kể từ khi chuyển đổi, theo quy định tại tiết đ, khoản 3, điều 10 thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015. Cụ thể, Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% thu nhập chịu thuế của hoạt động xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động, đồng thời công ty được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. Năm 2018 là năm đầu tiên công ty áp dụng hình thức miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

5.29 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.652.005.997	30.837.754.413
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(8.260.401.499)	(7.741.428.869)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.391.604.498	23.096.325.544
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	28.900.000	28.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	809	799

(*) Khoản lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu được giảm trừ phần lợi nhuận sử dụng để thực hiện chia quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm, theo đó số liệu so sánh của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được ước tính dựa theo kết quả phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

5.30 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.817.226.424	34.073.878.270
Chi phí nhân công	31.914.319.100	30.462.991.433
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.401.550.097	22.630.407.070
Trích quỹ khoa học và công nghệ	3.750.960.483	2.288.957.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	974.156.536	851.177.507
Chi phí khác	6.527.718.693	6.638.600.848
Cộng	105.385.931.333	96.946.012.266

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Thu nhập của người quản lý chuyên trách

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Thu nhập từ tiền lương, tiền thưởng	2.779.200.000	2.667.600.000
Trong đó: Tổng Giám đốc	Tiền lương	558.000.000	558.000.000
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký	Thù lao	330.000.000	330.000.000

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
Giao dịch mua				
Công ty Cổ phần nước và môi trường Cửu Long	Bên liên quan	Mua nước sạch	7.731.055.920	7.447.764.030

c. Số dư các bên liên quan

Số dư phải trả và phải trả khác các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	Tính chất giao dịch	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
Công ty Cổ phần nước và môi trường Cửu Long	Phải trả người bán	Tiền nước	649.292.700	628.652.430
Cộng			649.292.700	628.652.430

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.170.489.821	5.986.618.410
Phải thu khách hàng và phải thu khác (không bao gồm khoản tạm ứng)	12.313.502.018	12.726.273.035
Đầu tư tài chính ngắn hạn	115.259.000.000	112.734.000.000
Cộng	139.742.991.839	131.446.891.445
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	50.421.316.636	55.728.796.636
Phải trả người bán và phải trả khác	28.794.264.332	40.416.521.652
Chi phí phải trả	351.088.424	756.150.837
Cộng	79.566.669.392	96.901.469.125

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (tiếp theo)**Rủi ro về giá**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro về đầu tư vốn

Công ty chịu rủi ro về giá trị của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư tiền gửi ngân hàng nắm giữ đến ngày đáo hạn khi các Ngân hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Công ty. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào các khoản đầu tư này như hình thức, quy mô vốn của ngân hàng, v.v Các khoản đầu tư tiền gửi ngân hàng nắm giữ đến ngày đáo hạn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài và tối đa hóa lợi nhuận cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	11.769.395.518	17.024.868.814	28.794.264.332
Chi phí phải trả	351.088.424	-	351.088.424
Các khoản vay	5.307.480.000	45.113.836.636	50.421.316.636
Cộng	17.427.963.942	62.138.705.450	79.566.669.392
Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	22.892.402.838	17.524.118.814	40.416.521.652
Chi phí phải trả	756.150.837	-	756.150.837
Các khoản vay	5.307.480.000	50.421.316.636	55.728.796.636
Cộng	28.956.033.675	67.945.435.450	96.901.469.125

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.170.489.821	-	12.170.489.821
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.313.502.018	-	12.313.502.018
Đầu tư tài chính ngắn hạn	115.259.000.000	-	115.259.000.000
Cộng	139.742.991.839	-	139.742.991.839
Tại 01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.986.618.410	-	5.986.618.410
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.726.273.035	-	12.726.273.035
Đầu tư tài chính ngắn hạn	112.734.000.000	-	112.734.000.000
Cộng	131.446.891.445	-	131.446.891.445

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán.

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thắng

Bùi Thiện Ngọc Minh

Nguyễn Tấn Phát

Số: 05 /TT-CNVL

TP.Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

*Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ
và trả cổ tức năm 2018*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức cho năm 2018 như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 còn lại chưa phân phối: 465.520.153 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018: 31.652.005.997 đồng;

2. Trích quỹ đầu tư phát triển:

- Trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018:

$$31.652.005.997 \text{ đồng} \times 5\% = \mathbf{1.582.600.300 \text{ đồng}}$$

3. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động

- Kế hoạch năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua mức trích 25% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không quá 03 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động.
- Thực hiện năm 2018: Trích 25% lợi nhuận sau thuế năm 2018:

$$31.652.005.997 \text{ đồng} \times 25\% = \mathbf{7.913.001.499 \text{ đồng}}$$

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động được xác định theo Điều 18, Thông tư số 28/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Căn cứ quỹ khen thưởng, phúc lợi được phép trích lập, công ty quyết định phân bổ 50% thành quỹ khen thưởng và 50% quỹ phúc lợi cho người lao động.

4. Trích quỹ thưởng người quản lý công ty chuyên trách

- Kế hoạch năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua mức trích 1,5% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty.
- Thực hiện năm 2018: Trích 1,098% lợi nhuận sau thuế năm 2018, tương đương 1,5 tháng tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách được xác định theo Điều 18, Thông tư số 28/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước là **347.400.000 đồng**.

5. Trả cổ tức

- Kế hoạch năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua tối thiểu 5%/ Vốn điều lệ.
- Thực hiện trả cổ tức năm 2018 là 6%/Vốn điều lệ : **17.340.000.000 đồng**
- Nguồn chi trả cổ tức năm 2018 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 và lợi nhuận sau thuế năm 2018, cụ thể như sau:
 - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017: 465.520.153 đồng
 - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018: 16.874.479.847 đồng
- Hình thức chi trả cổ tức bằng tiền mặt.
- Thời điểm chi trả trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

6. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2018: 4.934.524.351 đồng chuyển sang năm tiếp theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

ĐẶNG TẤN CHIẾN

Số: 06 /TT-CNVL

TP.Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Kế hoạch năm 2019 (đồng)
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ (m ³)		16.000.000
2	Tổng doanh thu		159.840.000.000
3	Tổng chi phí		121.307.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN		38.533.000.000
5	Thuế TNDN		4.743.600.000
	+ Thuế TNDN được miễn, giảm		2.963.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN (đã miễn, giảm)		36.752.400.000
7	Nộp ngân sách nhà nước		12.814.600.000
8	Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN		
8.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	5%	1.837.620.000
8.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	25%	9.188.100.000
8.3	Trích quỹ thưởng người quản lý	1,50%	551.286.000
8.4	Trả cổ tức tối thiểu 6%/vốn điều lệ	6%	17.340.000.000
8.5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		
	- Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối chuyển sang		4.934.524.351
	- Lợi nhuận năm nay còn lại sau khi trích quỹ		7.835.394.000
9	Đầu tư xây dựng cơ bản		67.307.832.000
	- Các dự án cấp nước		30.500.000.000
	- Phát triển ống phân phối dịch vụ		9.870.800.000
	- Phát triển khách hàng		6.053.589.000
	- Thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định		5.595.843.000
	- Thay thế duy trì đầu nối hộ khách hàng		3.919.200.000
	- Sửa chữa lớn tài sản cố định; bảo trì duy tu bảo dưỡng		11.368.400.000
10	Vốn điều lệ		289.000.000.000
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ		12,72%

Đối với Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng đối với người quản lý Công ty chuyên trách trích tối đa theo tỷ lệ % trên, nhưng tổng số tiền trích quỹ không vượt quá quy định tại Điều 18, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2017 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- *Như kính gửi;*
- *Cổ đông công ty;*
- *Lưu.*

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

ĐẶNG TẤN CHIẾN

Số: 07 /TT-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị sau làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty:

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Địa chỉ: Tầng 8 Cao ốc Văn Phòng VG Building số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Tel: +84-(04)-37832121; Fax: +84-(04)- 37832122

(Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Số 201-203 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP Hồ Chí Minh)

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: Số 02 Trường Sơn, P02, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel : +84 (8) 35472972; Fax: +84 (8) 35472970

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Địa chỉ đăng ký: số 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Tel: +84 (8) 3859 2285; Fax: +84 (8) 3859 2289

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

ĐẶNG TẤN CHIẾN

Số: 08 /TTr-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

*Về việc thông qua mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách
Ban kiểm soát không chuyên trách, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký năm 2019*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký năm 2019 như sau:

- | | |
|---|----------------------|
| 1. Thành viên Hội đồng quản trị: | 4.500.000 đồng/tháng |
| 2. Thành viên Ban kiểm soát: | 3.000.000 đồng/tháng |
| 3. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký | 3.500.000 đồng/tháng |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

(Đã ký)

ĐẶNG TẤN CHIẾN

Số: 09 /TTr-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long như sau:

...

Điều 38: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

...

2. Số lượng thành viên HĐQT là từ năm đến bảy **(05-07)** người.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đủ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

(Bảng kê sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty kèm theo)

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

(Đã ký)

ĐẶNG TẤN CHIẾN

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VINH LONG

Điều, khoản, điểm của điều lệ	Điều lệ công ty (Trước khi sửa đổi, bổ sung)	Điều lệ công ty (Sau khi sửa đổi, bổ sung)
Khoản 2, Điều 38	2. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người	2. Số lượng thành viên HĐQT là từ năm đến bảy (05-07) người.
Khoản 3, Điều 38	3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đủ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.	3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đủ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Số: 10 /TTr-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi bổ sung Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua thông qua việc sửa đổi bổ sung Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long như sau:

...

Điều 8: Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT là từ năm đến bảy **(05-07)** người
(Bảng kê sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị công ty kèm theo)

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

(Đã ký)

ĐẶNG TẤN CHIẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Điều, khoản, điểm của điều lệ	Quy chế quản trị (Trước khi sửa đổi, bổ sung)	Quy chế quản trị (Sau khi sửa đổi, bổ sung)
Khoản 1, Điều 8	1. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người	1. Số lượng thành viên HĐQT là từ năm đến bảy (05-07) người.

Số: 11 /TTr-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

*Về việc thông qua số lượng và bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị
cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2016 -2020*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ quy mô tổ chức, tình hình hoạt động và định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long nhiệm kỳ 2016 – 2020 và bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2020 như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: **07 thành viên**
- b) Hội đồng quản trị đương nhiệm gồm 05 (năm) thành viên:
- c) Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: 02 thành viên cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2020.
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty và Khoản 4, Điều 8 Quy chế quản trị công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2020.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

(Đã ký)

ĐẶNG TẤN CHIẾN

Số: 12 /TTr-CNVL

TP. Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2016 - 2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;
- Căn cứ Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Trên cơ sở danh sách các ứng viên do Cổ đông đề cử tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2016-2020. Đối chiếu với các quy định của pháp luật; Điều lệ và Quy chế quản trị công ty. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu các thành viên tham gia HĐQT với các ứng viên như sau:

STT	Họ Tên	Sinh ngày	Cổ đông Đề cử	Vị trí ứng cử
1	Đặng Thanh Bình	01/01/1963	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long
2	Trần Ngọc Thành Nhơn	01/12/1980	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

(Đơn ứng cử /đề cử và sơ yếu lý lịch kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổ đông công ty;
- Lưu.

(Đã ký)

ĐẶNG TẤN CHIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN CỬ ĐẠI DIỆN THAM GIA
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
VĨNH LONG CHO THỜI GIAN CÒN LẠI NHIỆM KỲ 2016 - 2020**

Kính gửi:

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Tên cổ đông: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐÀ NẴNG MIỀN TRUNG**

CMND/GCNĐKKD số **0400578412** Do: Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng TP Đà Nẵng cấp lần đầu ngày: 04/7/2007, cấp thay đổi lần 11 ngày 12/3/2018.

Địa chỉ: 484-486 Đường 2 tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Là cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long, hiện sở hữu **8.975.962** cổ phần, đề nghị được cử:

Ông (Bà): **ĐẶNG THANH BÌNH.**

CMND số: 200800437, Cấp ngày: 19/4/2012, Nơi cấp: Công An thành phố Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú: 99 Núi Thành, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp; Cử nhân luật, Chuyên ngành: Nông nghiệp, luật học.

Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị

tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2016-2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Chúng tôi cam đoan mọi thông tin nêu trên, hồ sơ cá nhân kèm theo điều hợp pháp. Nếu được bầu chọn, Tôi (người được cử) cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn của mình theo qui định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Người được cử
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đặng Thanh Bình

Hồ sơ đính kèm:

1.
2.

Đại diện pháp luật của Cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên-chức vụ và đóng dấu)



CHU TỊCH HĐQT
Đặng Thanh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long)

- Họ và tên: **ĐẶNG THANH BÌNH**
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/01/1963
- Nơi sinh: Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam
- Quê quán: Đại Nghĩa – Đại Lộc – Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND/Hộ chiếu: 200800437 - Cấp ngày: 19/4/2012
- Nơi cấp: Công An thành phố Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: 99 Núi Thành, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc: 0913 404 319
- Giáo dục phổ thông: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông Nghiệp, Cử nhân Luật
- Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị.

Tên văn bằng	chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Bằng tốt nghiệp đại học	Kỹ sư Nông nghiệp		4 năm	Trường Đại học Nông nghiệp Huế
Bằng tốt nghiệp đại học	Luật học		4 năm	Trường Đại học Luật Hà Nội
Cao cấp lý luận chính trị	Chính trị		2 năm	Học Viện chính trị khu vực 3 Đà Nẵng

- Quá trình công tác: Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua

Từ năm đến năm	Đơn vị Công tác	Chức vụ
1987 -1991	- HTX nông nghiệp II Đại Nghĩa- Đại Lộc- Quảng Nam - Ban Tuyên Huấn Xã Đại Nghĩa	- Phó Chủ nhiệm HTX - Trưởng Ban Tuyên huấn Xã
1991- 1994	- Hợp tác xã sản xuất kinh doanh và dịch vụ tổng hợp xã Đại Nghĩa- Đại Lộc- Quảng Nam	- Chủ nhiệm HTX
1994 -1996	- UBND xã Đại Nghĩa- Đại Lộc- Quảng Nam	- Chủ tịch Ủy ban Xã
1996-1999	- BQL các Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Đại Lộc- Quảng Nam	- Phó trưởng ban
1999 -2000	- Phòng Kế hoạch đầu tư Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Quảng Nam	- Trưởng phòng
2000-2006	- Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng Khu CN Đà Nẵng	- Giám đốc Công ty
2006- 2016	- Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Cửa nhựa cao cấp Đà Nẵng- Miền Trung - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng- Miền Trung	- Chủ tịch HĐQT các Công ty
Từ ngày 01/11/2016 đến nay	- Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng- Miền Trung. - Công ty Cổ phần Cấp nước KonTum - Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng	- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng- Miền Trung. - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước KonTum - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

- Chức vụ đang nắm giữ tại VWACO :
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng miền Trung; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước KonTum; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng.
- Số cổ phần nắm giữ: **8.975.962** cổ phần, chiếm vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện tổ chức: **8.975.962** cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu:cổ phần, chiếmvốn điều lệ
- Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan cổ phần:

TT	QUAN HỆ	HỌ VÀ TÊN	CMND	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	SỐ CP SỞ HỮU
1						

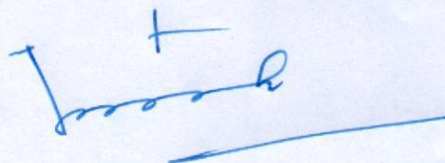
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Hội đồng quản trị của VWACO: Nếu được bầu vào Hội đồng quản trị , tôi xin hứa sẽ cùng với Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty nỗ lực hết mình để đưa Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long phát triển thịnh vượng.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 04 năm 2019...

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐẶNG THANH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long)

- Họ và tên: Trần Ngọc Thành Nhơn
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/12/1980.
- Nơi sinh: Đà Nẵng.
- Quê quán: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Thẻ CCCD: 048080000031 - Cấp ngày: 10/04/2017
- Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG
- Địa chỉ thường trú: 141A Lê Lâm, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0908 464 234
- Giáo dục phổ thông: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Môi Trường

Tên văn bằng	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Bằng Kỹ Sư	Kỹ Sư Môi Trường	2003	1998-2003	Đại Học Bách Khoa

Quá trình công tác: Nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003-2006	CTY CP Nước và Môi Trường	Nhân Viên
2006-2010	CTY CP Kỹ Thuật ENVIRO	P. Giám Đốc
2010- Nay	CTY CP Kỹ Thuật Á Châu	Chủ Tịch

- Chức vụ đang nắm giữ tại VWACO :
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kỹ thuật Á Châu.
- Số cổ phần nắm giữ: cổ phần, chiếm vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện tổ chức:..... cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu:cổ phần, chiếmvốn điều lệ
- Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan cổ phần:

TT	QUAN HỆ	HỌ VÀ TÊN	CMND	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	SỐ CP SỞ HỮU
1						

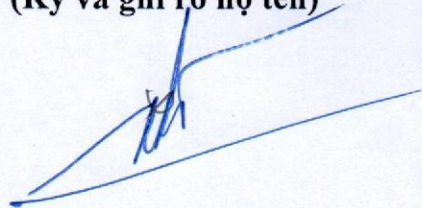
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Hội đồng quản trị của VWACO: Tôi sẽ cố gắng mọi nỗ lực cùng với Hội đồng QT Công ty cũng như Ban Lãnh đạo Công ty để đưa VWaco ngày càng phát triển vững mạnh.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm 2019

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



TRẦN NGỌC THÀNH NHON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN CỬ ĐẠI DIỆN THAM GIA
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
VĨNH LONG CHO THỜI GIAN CÒN LẠI NHIỆM KỲ 2016 - 2020**

Kính gửi:

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**

Tên cổ đông: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐÀ NẴNG MIỀN TRUNG**

CMND/GCNDKKD số **0400578412** Do: Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng TP Đà Nẵng cấp lần đầu ngày: 04/7/2007, cấp thay đổi lần 11 ngày 12/3/2018.

Địa chỉ: 484-486 Đường 2 tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Là cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long, hiện sở hữu **8.975.962** cổ phần, đề nghị được cử:

Ông (Bà): **TRẦN NGỌC THÀNH NHƠN.**

Thẻ CCCD số: 048080000031, Cấp ngày: 10/04/2017, Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG

Địa chỉ thường trú: 141A Lê Lâm, P. Phú Thạnh, Q. Tân phú, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư môi trường.

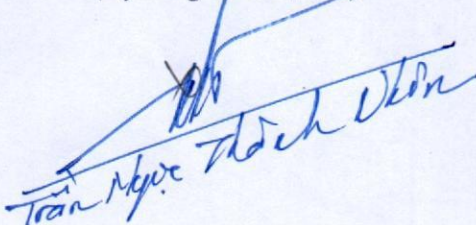
tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2016-2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Chúng tôi cam đoan mọi thông tin nêu trên, hồ sơ cá nhân kèm theo đều hợp pháp. Nếu được bầu chọn, Tôi (người được cử) cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn của mình theo qui định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm 2019

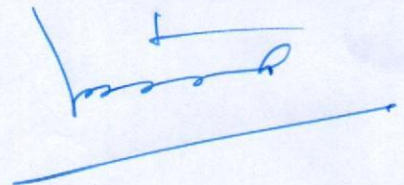
Người được cử

(Ký và ghi rõ họ tên)


Trần Ngọc Thành Nhơn

Đại diện pháp luật của Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên-chức vụ và đóng dấu)



Hồ sơ đính kèm:

1.
2.

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-o0o-

GIẤY ĐỀ NGHỊ

V/v: xác nhận sở hữu cổ phần

Kính gửi: Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Họ tên chủ tài khoản: Công ty cổ phần Đầu tư Đà Nẵng – Miền Trung.

GĐKDN số: 0400578412 Ngày cấp: 12/03/2018 Nơi cấp: Sở KHĐT Đà Nẵng

Người đại diện theo pháp luật (nếu có): Ông Đặng Thanh Bình

Tài khoản số: 069C226666

Hiện đang sở hữu: 8.975.962 cổ phần

Mã chứng khoán: VLW

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 89.759.620.000 (đồng)

Từ ngày: 20/09/2018..... đến ngày: 16/04/2019.....

Đề nghị Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội xác nhận giúp tôi/chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 04 năm 2019

Chủ tài khoản

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CHỦ TỊCH HĐQT
Đặng Thanh Bình

Xác nhận của Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội:

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 04 năm 2019

Giám đốc chi nhánh

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Trần Phước Hạ Nhi

SAO KÊ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Từ ngày: 16/04/2019 Đến ngày: 16/04/2019)

Số tài khoản : 069-C-226666-00

Tên khách hàng : Công ty cổ phần đầu tư Đà Nẵng- Miền Trung

Số điện thoại: 0913404319

Địa chỉ: 484-486 Đường 2 tháng 9- Hòa Cường Nam- Hải Châu- T/p Đà Nẵng

Ngày lập : 16/04/2019

Nội dung giao dịch chứng khoán

Ngày	Nội dung phát sinh	Mã CK	Giao dịch mua / Chuyển nhập		Giao dịch bán / Xuất kho		Tiền phí giao dịch		Gửi rút tiền/ Hoàn trả cho vay		Số dư
			SL	Giá	SL	Giá	SL	Giá	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	
15/04/2019											15,605,535

Ghi chú

Số dư tiền gửi

Ngày: 16/04/2019

Tổng số dư chờ thanh toán	Tổng số dư chờ về	Số dư có thể sử dụng (Giao dịch)
		15,605,535

Nội dung Số dư chứng khoán

Ngày: 16/04/2019

STT	Mã CK	Số dư tổng	Số dư giao dịch	SL chờ lưu ký	Số lượng bán	Số lượng mua	SL cầm cố	SL cầm cố chờ TT	SL bảo chứng	SL bảo chứng chờ TT	SL phong tỏa	SL hạn chế giao dịch
1	VLW	8,975,962	8,975,962	0	0	0	0	0	0	0		

Người lập:

huel

Lê Tâm Anh Thư

Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội :



GIÁM ĐỐC
Trần Phước Hạ Nhi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

BIÊN BẢN

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

- **Thời gian:** Vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 04 năm 2019.
- **Địa điểm:** Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long, số 02 đường Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.

II. THÀNH PHẦN

- Cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.
- Khách mời tham dự Đại hội:
 - + UBND tỉnh Vĩnh Long
 - + Đại diện Đảng Ủy khối doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Long.
 - + Ban chỉ đạo thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

III. NỘI DUNG:

A. PHẦN NGHỊ THỨC ĐẠI HỘI

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự:

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

- Ông: – Trưởng ban
- Bà: – Thành viên
- Bà: – Thành viên

Ông, Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tới thời điểm 8 giờ 15 phút ngày 25/04/2019 như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 28.900.000 cổ phần.
- Tổng số Cổ đông và người được ủy quyền đăng ký tham dự Đại hội, đại diện cho cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Dựa trên kết quả kiểm tra nêu trên, các Cổ đông và Người được ủy quyền tham dự Đại hội đã đại diện trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đảm bảo đủ điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

3. Đoàn chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu

3.1 Chủ tọa đại hội: Ông Đặng Tấn Chiến – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chủ tọa đại hội chỉ định 02 thành viên tham gia điều hành đại hội gồm các ông (bà):

- Ông - Thành viên HĐQT
- Bà - Thành viên HĐQT

3.2 Ban Thư ký Đại hội:

Chủ tọa đại hội chỉ định 02 người làm thư ký đại hội gồm các ông (bà):

- Ông: - Trưởng Ban
- Bà: - Thành viên

3.3 Ban kiểm phiếu:

Để giúp việc cho Chủ tọa đại hội thống kê các ý kiến biểu quyết của các cổ đông trong quá trình diễn ra Đại hội, Chủ tịch HĐQT đề nghị danh sách nhân sự ban kiểm phiếu như sau:

- Ông: - Trưởng Ban
- Bà: - Thành viên
- Ông: - Thành viên

Đại hội đã thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT với tỷ lệ biểu quyết% đồng ý.

B. PHẦN NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI

1. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.

- Đại hội đã nghe Ông, thông qua dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội.

- Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:
- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết
- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:
 - + Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - + Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%

2. Thông qua Chương trình Đại hội.

- Đại hội đã nghe Ông/Bà, thông qua dự thảo Chương trình Đại hội.
- Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội như sau:
- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết
- Kết quả biểu quyết với tỷ lệ %:
 - + Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - + Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%

3. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

3.1. Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2018

- Đại hội đã nghe Ông **Đặng Tấn Chiến** trình bày Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2018.

3.2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động kiểm soát công ty năm 2018

- Đại hội đã nghe ông **Lương Minh Triết** trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát công ty năm 2018.

4. Thông qua các tờ trình:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018
- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2018.
- Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Tờ trình thông qua mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và người phụ trách quản trị công ty, Thụ ký năm 2019.
- Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.
- Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty
- Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị công ty
- Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020; bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2020

5. Đại hội thảo luận các nội dung Báo cáo của HĐQT, BKS và các tờ trình

5.1. Ý kiến của các cổ đông tham dự đại hội

- Cổ đông -
- Cổ đông -
- Cổ đông -
- Cổ đông -
- Cổ đông -

5.2. Chủ tọa đại hội trả lời các cổ đông:

- Thống nhất theo ý kiến của Cổ đông...
-

6. Biểu quyết

6.1. Báo cáo của ban thẩm tra tư các cổ đông:

- Tại thời điểm ...h, ... phút có Cổ đông và người được ủy quyền tham dự Đại hội, đại diện cho cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

6.2. Điều chỉnh nội dung các tờ trình (nếu có)

- “*Nội dung tờ trình điều chỉnh*”
- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết
- Kết quả biểu quyết :
 - + *Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%*

- + Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%

6.3. Biểu quyết:

6.3.1 Biểu quyết bằng hình thức giao thẻ biểu quyết

a) Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2018

- Kết quả biểu quyết:

- + Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- + Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%

b) Báo cáo của BKS về hoạt động kiểm soát Công ty năm 2018

- Kết quả biểu quyết:

- + Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- + Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%

c) Quy chế ứng cử, bầu cử

- Kết quả biểu quyết:

- + Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- + Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%

6.3.2 Biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a) Cổ đông đánh dấu (X) chọn ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết.

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: Phiếu biểu quyết đại diện cổ phần, bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết thu vào: Phiếu biểu quyết, đạt% tương đương cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: Phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ% trên tổng số phiếu thu vào.

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: Phiếu biểu quyết

- Tổng số phiếu biểu quyết không tham gia biểu quyết (không có ý kiến): Phiếu biểu quyết.

b) Kết quả biểu quyết:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018

- + Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- + Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%

- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2018.

- + Số phiếu biểu quyết đồng ý:..... cổ phần, đạt tỷ lệ%
- + Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
 - +Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- Tờ trình thông qua mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và người phụ trách quản trị công ty, Thụ ký năm 2019.
 - +Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019
 - +Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ
 - +Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị công ty
 - +Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- Tờ trình thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020;
 - +Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%
- Tờ trình thông qua ứng viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2016 – 2020;
 - +Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%
 - +Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%

- Kết quả bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2016 – 2020 theo thể thức bầu dồn phiếu.

Đại hội đã nghe Ông.....Trưởng Ban bầu cử công bố kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2016-2020 như sau:

+ Tổng số phiếu bầu phát ra:.....phiếu, đại diện cho.....cổ phần bằng 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội, tương đương.....phiếu bầu.

+ Tổng số phiếu bầu thu về:.....phiếu, tương đương.....phiếu bầu

+ Tổng số phiếu bầu hợp lệ :.....phiếu, tương đương.....phiếu bầu

+ Tổng số phiếu bầu không hợp lệ :.....phiếu, tương đương.....phiếu bầu

+ Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ Tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %
1			
2	...		
3	...		

Căn cứ kết quả bầu cử như trên Ông/bà.....và Ôngđã trúng cử thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2016-2020.

7. Thông qua Biên bản Đại hội.

Đại hội đã nghe Ông, Trưởng Ban thư ký Đại hội thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung của Biên bản Đại hội như sau:

- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết

- Kết quả biểu quyết:

+Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%

+Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%

+Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%

8. Thông qua Nghị quyết Đại hội

Đại hội đã nghe Ông, Trưởng Ban thư ký thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội như sau:

- Hình thức biểu quyết: Giơ thẻ biểu quyết

- Kết quả biểu quyết:

+Số phiếu biểu quyết đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%

+Số phiếu biểu quyết không đồng ý: cổ phần, đạt tỷ lệ%

+Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: cổ phần, đạt tỷ lệ%

III. KẾT LUẬN

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với% số cổ phần có quyền biểu quyết đồng ý.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày.

Biên bản Đại hội và Nghị quyết đại hội sẽ được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: <http://www.capnuocvl.com.vn> ./.

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Trưởng Ban

Thành viên

Đặng Tấn Chiến
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 04 năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/QH13/2014 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long ngày 25 tháng 4 năm 2019;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long.

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua Báo cáo của HĐQT về hoạt động điều hành Công ty năm 2018, với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động kiểm soát công ty năm 2018, với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018, với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu và kết quả kinh doanh năm 2018:

Đơn vị tính: đồng

- Tài sản ngắn hạn	153.104.595.644
- Tài sản dài hạn	279.723.210.420
Tổng tài sản	432.827.806.064
- Nợ phải trả	111.207.930.354
- Nguồn vốn chủ sở hữu	321.619.875.710
Tổng nguồn vốn	432.827.806.064
- Tổng doanh thu và thu nhập khác	140.006.700.399
- Lợi nhuận trước thuế TNDN	33.538.406.600
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	31.652.005.997
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	809

4. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2018, với tỷ lệ % số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

STT	Nội dung vấn đề	Đơn vị	Tỷ lệ %	Số tiền
I	Vốn điều lệ	Đồng		289.000.000.000
	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN	Đồng		31.652.005.997
II	Lợi nhuận phân phối	Đồng		31.652.005.997
III	Trích lập các quỹ	Đồng		
	- Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	5%	1.582.600.300
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động (<i>trong đó phân bổ 50% quỹ phúc lợi và 50% quỹ khen thưởng</i>)	Đồng	25%	7.913.001.499
	- Quỹ thưởng người quản lý công ty chuyên trách	Đồng	1,5%	347.400.000
IV	Cổ tức chia cho cổ đông (*)	Đồng	6%	17.340.000.000
	- Từ lợi nhuận năm trước	Đồng		465.520.153
	- Từ lợi nhuận năm nay	Đồng		16.874.479.847
	- Hình thức chia cổ tức bằng tiền mặt			
V	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm tiếp theo	Đồng		4.934.524.351

5. Thông qua tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Kế hoạch năm 2019 (đồng)
1	Sản lượng nước sạch tiêu thụ (m ³)		16.000.000
2	Tổng doanh thu		159.840.000.000
3	Tổng chi phí		121.307.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN		38.533.000.000
5	Thuế TNDN		4.743.600.000
	+ Thuế TNDN được miễn, giảm		2.963.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN (đã miễn, giảm)		36.752.400.000
7	Nộp ngân sách nhà nước		12.814.600.000
8	Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN		
8.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	5%	1.837.620.000
8.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	25%	9.188.100.000
8.3	Trích quỹ thưởng người quản lý	1,50%	551.286.000
8.4	Trả cổ tức tối thiểu 6%/vốn điều lệ	6%	17.340.000.000
8.5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		
	- Lợi nhuận các năm trước chưa phân phối chuyển sang		4.934.524.351
	- Lợi nhuận năm nay còn lại sau khi trích quỹ		7.835.394.000
9	Đầu tư xây dựng cơ bản		67.307.832.000
	- Các dự án cấp nước		30.500.000.000
	- Phát triển ống phân phối dịch vụ		9.870.800.000
	- Phát triển khách hàng		6.053.589.000
	- Thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định		5.595.843.000
	- Thay thế duy trì đầu nối hộ khách hàng		3.919.200.000
	- Sửa chữa lớn tài sản cố định; bảo trì duy tu bảo dưỡng		11.368.400.000
10	Vốn điều lệ		289.000.000.000
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ		12,72%

(*) Đối với Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng đối với người quản lý Công ty chuyên trách trích tối đa theo tỷ lệ % trên, nhưng tổng số tiền trích quỹ không vượt quá quy định tại Điều 18, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2017 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước

6. Thông qua tờ trình các đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị kiểm toán trong danh sách các đơn vị kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA – Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

Tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

7. Thông qua tờ trình thù lao thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị công ty, thư ký năm 2019, với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

- Thành viên Hội đồng quản trị: 4.500.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng
- Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký: 3.500.000 đồng/tháng

8. Thông qua tờ trình việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ với các nội dung mà Đại hội đã thông qua.

9. Thông qua tờ trình việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty, với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị với các nội dung mà Đại hội đã thông qua.

10. Thông qua tờ trình số lượng và bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2016 -2020, với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

11. Thông qua kết quả bầu cử 02 thành viên Hội đồng quản trị.

STT	Họ Tên	Sinh ngày	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %	Kết quả bầu cử
1					
2	...				

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Vĩnh Long được lập và thông qua trước Đại hội với tỷ lệ thống nhất% của cổ đông có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 25/04/2019./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:

- *Cổ đông công ty;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Website Công ty;*
- *Lưu VT.*

ĐẶNG TẤN CHIẾN



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

THẺ BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Người đại diện:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

VWACO

Mã số biểu quyết :



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG
(VWACO)

-----o0o-----

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG

PHIẾU BIỂU QUYẾT
NỘI DUNG CÁC TỜ TRÌNH

Mã cổ đông:

Tên cổ đông:

Số CP sở hữu + đại diện:..... **CP**

Tổng số quyền được biểu quyết: **CP**

NỘI DUNG	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.			
2. Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, trả cổ tức năm 2018.			
3. Thông qua tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019			
4. Thông qua tờ trình thù lao TV HĐQT, BKS, người phụ trách quản trị công ty, Thư ký năm 2019			
5. Thông qua tờ trình việc chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019			
6. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty			
7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị công ty			
8. Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020			
9. Thông qua danh sách ứng cử viên bầu bổ sung Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2016-2020			

TP. Vĩnh Long, ngày 25 tháng 04 năm 2019
CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu X vào ô lựa chọn (☐)
- Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến thì khoanh tròn ô đã lựa chọn (☐) và đánh dấu X vào ô lựa chọn mới (☐)
- Trường hợp cổ đông chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn ấy (☐)
- Cổ đông chỉ được lựa chọn 1 phương án biểu quyết cho mỗi nội dung.

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 – VWACO.
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - + Phiếu không do VWACO phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của VWACO trên phiếu).
 - + Phiếu không có chữ ký của cổ đông/ đại diện cổ đông.
 - + Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu ghi thêm nội dung không do Chủ tọa Đại hội yêu cầu.
 - + Phiếu không in thông tin cổ đông.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

PHIẾU BẦU
BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHO THỜI GIAN CÒN LẠI NHIỆM KỲ 2016-2020

1. Thông tin của cổ đông tham gia bầu cử:

- Mã cổ đông:
- Tên cổ đông:
- Số cổ phần sở hữu, đại diện:
- Tổng số quyền được bầu:

2. Phần bầu cử:

Số TT	Họ và Tên	Số phiếu bầu
1	ĐẶNG THANH BÌNH	
2	TRẦN NGỌC THÀNH NHƠN	
	Tổng cộng: (không quá:)	

3. Hướng dẫn:

- Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu của mình cho từ 1 đến 2 ứng cử viên, phần quyền bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ thành viên nào. Tổng số quyền bầu cho các ứng cử viên cộng lại **không được quá** tổng số quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.
- Không bầu cho ứng viên nào phải điền số “0” hoặc gạch chéo (x) vào cột “Số phiếu bầu” của ứng viên đó.
- Số quyền bầu cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của cổ đông đối với ứng cử viên đó.

TP. Vĩnh Long, ngày 25 tháng 04 năm 2019
CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)